

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Huệ
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Huế
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hué

Mã SV: 1212401011

Lớp: QT1601K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty
Cổ phần Công nghiệp nhựa Phú Lâm.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Khái quát được vấn đề lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Về mặt lý luận: Hệ thống được những vấn đề cơ bản về hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm.

Các số liệu tính toán phù hợp, logic với dòng chảy của số liệu kế toán

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

Các số liệu tính toán được lấy tại phòng kế toán của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

Bài luận này được lấy từ số liệu năm 2015 của công ty

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

Địa chỉ: km9, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Huế

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thị Huệ* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2014). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2016
Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1 Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất	2
1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	2
1.1.2: Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu	2
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.	3
1.1.4: Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu	4
1.2: Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	11
1.2.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	11
1.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	15
1.3: Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	22
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM	24
2.1: Khái quát chung về công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm	24
2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển	24
2.1.2: Sản phẩm và quy trình sản xuất	25
2.1.3: Tổ chức bộ máy quản lí của công ty	27
2.1.4: Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm	31
2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán	33
2.2: Thực trạng công tác kế toán Nguyên Vật Liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm	35
2.2.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	35
2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Công Nghiệp Phú Lâm	58
CHƯƠNG III: MỘT Ý SỐ KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM	69

3.1: Nhận xét chung về kế toán nguyên vật liệu	69
3.1.1: Ưu điểm.....	69
3.1.2: Hạn chế.....	71
3.2: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm	72
3.2.1:Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm.	72
3.2.2: Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện	73
3.2.3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm	73
KẾT LUẬN	81

LỜI MỞ ĐẦU

Quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp bao gồm các khâu chính là mua hàng hóa, vật tư, sản xuất sản phẩm và khâu cuối cùng là khâu tiêu thụ hàng hóa sản phẩm. Bất kỳ một khâu nào của quá trình sản xuất đều có tầm quan trọng riêng của nó ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm chi phí chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm vì vậy việc tổ chức tốt công tác kế toán nói chung đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của công ty.

Nguyên vật liệu tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với tư cách là đối tượng lao động. Đây là một trong ba yếu tố cơ bản nhất của quá trình sản xuất kinh doanh đặc biệt là đối với công ty sản xuất sản phẩm. Sự ổn định về yếu tố đầu vào là một yêu cầu tất yếu để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục trong thời buổi kinh tế thị trường.

Là một sinh viên thực tập với những kiến thức đã được trang bị trong những năm học ở trường và kết quả tìm hiểu thực tế trong thời gian thực tập ở công ty em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm.

CHƯƠNG I:
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Trong các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là bộ phận cơ bản cấu thành thực tế sản phẩm. Trong quá trình sản xuất, vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, bị tiêu hao và chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá thành sản phẩm.

Chi phí về các loại nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Do vậy, tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu đảm bảo cho việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả vật liệu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất quan trọng. Vì vậy, có thể khẳng định rằng nguyên vật liệu có một vị trí quan trọng không thể thiếu được trong quá trình sản xuất.

Kế toán là công cụ phục vụ cho quản lý nguyên vật liệu. Nó góp phần kiểm soát, tránh thất thoát, lãng phí nguyên vật liệu ở tất cả các khâu dự trữ, sử dụng, thu hồi...

Kế toán nguyên vật liệu giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu có đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập, xuất, dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm. Vì vậy cần thiết phải tổ chức công tác hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp và có làm tốt điều này mới tạo được tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2: Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu

a, Khái niệm

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khác với tư liệu lao động nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ

sản xuất nhất định, giá trị của nó chuyển hết vào giá trị sản phẩm mới làm ra. Chi phí về nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm. Nguyên vật liệu có chất lượng cao, đúng quy cách, chủng loại thì sản phẩm sản xuất ra mới đạt yêu cầu, nguyên vật liệu mua về mới tận dụng được tối đa vì vậy chi phí nguyên vật liệu được hạ thấp, giá thành hạ làm cho doanh nghiệp có thể đạt được lợi nhuận cao, tồn tại được trong cơ chế thị trường.

Nguyên vật liệu là một bộ phận cơ bản của hàng tồn kho là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm

b, Đặc điểm

Khi tham gia quá trình sản xuất nguyên vật liệu có những đặc điểm sau:

+ Về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một quá trình sản xuất kinh doanh nhất định. Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh dưới tác động của lao động và tư liệu lao động nguyên vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo thành thực thể của sản phẩm

+ Về mặt giá trị: Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh giá trị nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra

Như vậy, nguyên vật liệu chiếm vị trí hết sức quan trọng bởi nó là đối tượng lao động và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể sản phẩm

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Xuất phát từ vị trí yêu cầu quản lý vật liệu cũng như vai trò của kế toán. Để đáp ứng nhu cầu quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu, tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp phải thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

+ Theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ, trung thực số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho hay tồn kho. Tính toán đúng đắn giá trị vốn, hoặc giá thành thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, hoặc xuất kho để cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

+ Tổ chức chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng tại doanh nghiệp để ghi chép, phân loại, tổng hợp số liệu đầy đủ kịp thời và tình hình tăng giảm của vật tư trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, xác định giá vốn hàng bán. Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp

+ Kiểm tra tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về mua vật tư, hàng hóa phục vụ cho sản xuất

+ Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu. Từ đó phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất, giúp cho việc hạch toán xác định chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu thực tế đưa vào sản xuất. Phân bổ chính xác nguyên vật liệu đã tiêu hao vào đối tượng sử dụng để từ đó giúp cho việc tính giá thành được chính xác.

1.1.4: Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.1.4.1: Phân loại

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp có nhiều loại khác nhau, mỗi loại lại có quy cách, tính chất, phẩm chất, vai trò công dụng khác nhau và được bảo quản với các điều kiện khác nhau. Chính vì vậy muốn quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết từng loại, từng thứ nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành phân loại chúng. Việc phân loại vật liệu tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp sản xuất cụ thể thuộc từng ngành sản xuất, tùy thuộc vào chức năng kinh tế, chức năng của vật liệu mà chúng được chia thành các loại sau:

* Phân loại theo nội dung kinh tế và công dụng:

- Vật liệu chính: đối với doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu chính là những nguyên liệu, vật liệu cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm. Ví dụ đối với doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo thì bột, đường là nguyên vật liệu chính. Đối với doanh nghiệp dệt thì nguyên vật liệu chính là các loại sợi dệt khác nhau... Vì vậy, khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ không đặt ra khái niệm nguyên vật liệu chính, phụ. Nguyên vật liệu chính cũng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

bao gồm cả bán thành phẩm mua vào với mục đích tiếp tục sản xuất chế tạo ra sản phẩm, hàng hóa. Ví dụ: các doanh nghiệp có thể mua các loại vải thô khác nhau để nhuộm, in nhằm cho ra đời các loại vải khác nhau đáp ứng nhu cầu sử dụng.

- Vật liệu phụ: Là những vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm mà có thể kết hợp với nguyên vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng, mùi vị, làm tăng thêm chất lượng hoặc giá trị sử dụng của sản phẩm

- Nhiên liệu: Là một loại vật liệu phụ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng như xăng, dầu..Ở thể rắn như các loại than đá, than bùn. Ở thể khí như ga

- Phụ tùng thay thế: Là những vật tư, sản phẩm dùng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị, tài sản cố định, phương tiện vận tải

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu, thiết bị xây dựng cơ bản như gạch, cát đá, xi măng

- Vật liệu khác: là loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất, thanh lý tài sản, có thể sử dụng bán ra ngoài hoặc đưa vào sản xuất khác như phôi thép, vải vụn...

** Phân loại theo nguồn hình thành thì NVL được chia thành:*

- Vật liệu nhập do mua ngoài.
- Vật liệu nhập do tự gia công, chế biến.
- Nhận vốn kinh doanh .
- Nguyên vật liệu tự chế.

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

** Căn cứ vào mục đích sử dụng thì NVL được chia thành:*

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh
- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.
- Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp

1.1.4.2: *Đánh giá nguyên vật liệu*

Đánh giá vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất. Về nguyên tắc nguyên vật liệu nằm trong giá thành sản phẩm đồng thời nó còn thuộc tài sản lưu động nằm trong bảng cân đối kế toán. Vì vậy phải đánh giá NVL chính xác để đảm bảo tính chính xác của giá thành và thông tin trên bảng cân đối kế toán, NVL được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo theo một nguyên tắc cơ bản đánh giá theo giá trị vốn thực tế. Nghĩa là khi nhập kho phải tính theo giá trị vật liệu thực tế nhập. Khi xuất kho cũng phải xác định trị giá thực tế xuất kho theo phương pháp quy định

Nguyên tắc để đánh giá nguyên vật liệu

- *Nguyên tắc giá gốc* (còn gọi là giá phí, giá thành, giá lịch sử). Tất cả các tài sản và hàng tồn kho ở doanh nghiệp được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo tài chính được ghi chép theo giá gốc. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí bình thường và hợp lý mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản và sẵn sàng đưa vào sử dụng.

-*Nguyên tắc nhất quán*: Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải sử dụng phương pháp kế toán thống nhất trong suốt niên độ kế toán.

-*Nguyên tắc thận trọng*: Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải phản ánh đúng giá trị tài sản, các nghiệp vụ làm tăng doanh thu và tăng vốn chỉ được ghi khi có chứng cứ chắc chắn (có chứng từ), chi phí và các khoản làm giảm doanh thu, vốn chủ sở hữu phải được ghi chép ngay dù chưa có chứng từ chắc chắn. Dù trên bảng cân đối kế toán, hàng tồn kho phải được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được của nguyên vật liệu giảm do vật liệu bị hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất...thì đơn vị phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

a, Tính giá thực tế nguyên vật liệu

***Tính giá trị nguyên vật liệu nhập kho**

Giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập

- Đối với nguyên vật liệu nhập kho mua ngoài

Giá trị thực tế NVL mua ngoài nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Các khoản thuế không hoàn lại	+	Chi phí liên quan trực tiếp (nếu có)	-	Các khoản Chiết khấu thương mại giảm giá
---	----------	---------------------------------	----------	--------------------------------------	----------	---	----------	---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn:

+ Trường hợp giá thực tế NVL mua vào để sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua là giá chưa thuế GTGT

+ Trường hợp NVL mua vào sử dụng cho các đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, các dự án thì giá mua là giá bao gồm cả thuế (tổng giá thanh toán)

- Các loại thuế không hoàn lại như: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt,...

- Chi phí liên quan trực tiếp gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ... đối với chi phí vận chuyển thì chi phí vận chuyển được cộng vào giá trị thực tế của NVL.

- Các khoản chiết khấu, giảm giá gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thanh toán

- Đối với nguyên vật liệu tự gia công, chế biến

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá NVL xuất gia công chế biến} + \text{Chi phí, gia công chế biến}$$

- Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến

$$\text{Giá thực tế Nhập kho} = \text{Giá thực tế NVL xuất thuê ngoài, gia công, chế biến} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ} + \text{Chi phí thuê ngoài, gia công chế biến}$$

- Đối với nguyên vật liệu được cấp

$$\text{Giá trị thực tế NVL được cấp} = \text{Giá theo biên bản, giao nhận} + \text{Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản (nếu có)}$$

- Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh cổ phần

$$\text{Giá thực tế Nhập kho} = \text{Giá thỏa thuận do các bên xác định} + \text{Chi phí tiếp nhận (nếu có)}$$

- Đối với nguyên vật liệu do được tặng thưởng, biếu tặng, tài trợ

$$\text{Giá gốc NVL nhận biếu tặng nhập kho} = \text{Giá trị hợp lý ban đầu, của những NVL tương đương} + \text{Chi phí khác có liên quan đến việc tiếp nhận}$$

***Tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho**

Nguyên vật liệu nhập kho trong doanh nghiệp từ rất nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau. Do đó khi xuất kho nguyên vật liệu tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý cũng như thiết bị tính toán ở từng doanh nghiệp mà chọn một trong những phương pháp sau để xuất kho nguyên vật liệu cho phù hợp. Phương pháp đó phải sử dụng thống nhất từ kỳ này sang kỳ khác nhờ đó có thể kiểm tra, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh. Theo TT 200 có hiệu lực từ ngày 22/12/2014 áp dụng từ ngày 1/1/2015 doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp tính giá vật tư, hàng hóa xuất kho như sau:

Phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp nhập trước xuất trước

Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp đơn giá bán lẻ(áp dụng cho hàng hóa)

Nội dung, ưu nhược điểm của các phương pháp cụ thể như sau:

▪ **Phương pháp thực tế đích danh**

Nội dung: Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá của lô đó để tính ra giá vốn thực tế của vật tư xuất kho (tức là giá trị xuất kho của vật tư đó). Đây là phương pháp lý tưởng nhất cho phép xác định được độ chính xác cao

Ưu điểm: Phương pháp này xác định được độ chính xác cao khi xác định giá trị vật tư xuất kho, tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán là chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị xuất dùng cho vật tư sản xuất phù hợp với giá trị thành phẩm nó tạo ra, giá trị tồn kho của vật tư phản ánh theo đúng giá trị của nó.

Nhược điểm: Phương pháp này đòi hỏi công tác quản lý phải chặt chẽ, thường xuyên, luôn theo dõi tình hình biến động của vật tư và đặc biệt phải nhận diện từng lô mới đảm bảo xác định được đúng chủng loại, giá cả

Điều kiện áp dụng: Chỉ phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, ít chủng loại, hàng có giá trị cao như các mặt hàng trang sức đắt tiền

▪ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hoá khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{của vật liệu} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng thực tế} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{xuất kho} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn} \\ \text{Giá} \\ \text{Bình} \\ \text{Quân} \end{array} = \frac{\text{Giá trị thực tế VL tồn đầu kì} + \text{Giá trị thực tế VL nhập trong kì}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kì} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kì}}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được xác định cho từng thứ vật tư

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, phụ thuộc vào số lần nhập, xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu

Nhược điểm: dồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào cuối kì kế toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu khác.

Phương pháp bình quân cuối kì trước

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{Cuối kì trước} \end{array} = \frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu tồn đầu kì}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu tồn đầu kì}}$$

+ **Ưu điểm** : Phương pháp này cho phép giảm nhẹ khối lượng tính toán của kế toán vì giá vật liệu xuất kho tính khá đơn giản, cung cấp thông tin kịp thời tình hình biến động của vật liệu trong kỳ.

+ **Nhược điểm:** Độ chính xác của việc tính giá phụ thuộc tình hình biến động giá cả vật liệu. Trường hợp giá cả thị trường nguyên vật liệu có sự biến động lớn thì việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp này trở nên thiếu chính xác.

Phương pháp bình quân liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập)

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập vật liệu kế toán tính đơn giá bình quân. Sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng vật liệu xuất để tính trị giá vật liệu xuất kho

Đơn giá BQ **Trị giá VL tồn trước lần nhập n + Trị giá VL nhập lần n**
sau lần nhập = $\frac{\text{Trị giá VL tồn trước lần nhập n} + \text{Trị giá VL nhập lần n}}{\text{Số lượng VL tồn trước lần nhập n} + \text{Số lượng VL nhập lần n}}$

thứ n **Số lượng VL tồn trước lần nhập n + Số lượng VL nhập lần n**

Phương pháp này áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập, xuất nhiều

Ưu điểm: Phương pháp này cho giá vật liệu xuất kho chính xác, phản ánh kịp thời sự biến động giá cả, công việc tính giá được tiến hành đều đặn

Nhược điểm: Công việc tính toán nhiều phức tạp, chỉ thích hợp với doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán máy.

Phương pháp nhập trước xuất trước (LIFO)

Phương pháp này được xác định: dựa trên giả định vật tư nào được nhập kho trước sẽ xuất ra trước và lấy đơn giá nhập bằng đơn giá xuất. Theo phương pháp này giá trị hàng tồn kho cuối kì được xác định dựa trên đơn giá của những lần nhập đầu tiên

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp có sự giảm phát

Ưu điểm: phản ánh tương đối chính xác giá vật tư xuất kho và tồn kho

Nhược điểm: Làm cho các khoản doanh thu hiện tại không phù hợp với các khoản chi phí hiện tại và mức dư tồn nguyên vật liệu sẽ lớn.

Nhược điểm: Giá hàng xuất kho phản ánh không chính xác trong trường hợp giá cả trong năm có nhiều biến động, nhiều phức tạp, tính toán dễ nhầm lẫn

b, Tính giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Giá hạch toán là giá được quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp, và được sử dụng trong một thời gian dài, giá hạch toán nguyên vật liệu có thể là giá mua thực tế, giá kế hoạch hay có thể là giá bán buôn

Giá hạch toán được sử dụng để hạch toán chi tiết hàng ngày tình hình nhập-xuất- tồn kho nguyên vật liệu. Khi sử dụng giá hạch toán để hạch toán chi tiết hàng ngày thì cuối kì phải tính chuyển giá hạch toán thành giá thực tế để ghi sổ kế toán tổng hợp, việc tính chuyển được tiến hành như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật liệu} \\ \text{xuất dùng(hoặc} \\ \text{tồn kho cuối kì)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán vật} \\ \text{liệu xuất dùng} \end{array} \times \text{Hệ số giá vật liệu}$$

Hệ số giá vật liệu có thể tính cho từng loại hay từng thứ vật liệu chủ yếu tùy thuộc vào yêu cầu và trình độ quản lý

Hệ số giá **Giá thực tế VL tồn kho trong kì + Giá thực tế VL nhập trong kì**

Vật liệu = $\frac{\text{Giá thực tế VL tồn kho trong kì} + \text{Giá thực tế VL nhập trong kì}}{\text{Giá hạch toán VL tồn kho trong kì} + \text{Giá hạch toán VL nhập trong kì}}$

1.2: Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập xuất tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản trị từng danh điểm vật tư. Tùy vào đặc điểm của từng doanh nghiệp, tùy theo trình độ của nhân viên kế toán và thủ kho, để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp sau:

1.2.1.1: Phương pháp thẻ song song

Nội dung của phương pháp thẻ song song

a, Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho trên cơ sở các chứng từ đó. Cuối tháng, thủ kho tính ra tổng số nhập, xuất và số tồn cuối kỳ của từng loại vật liệu trên thẻ kho và đối chiếu số liệu với kế toán chi tiết vật tư.

b, Ở phòng kế toán: Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào phiếu nhập, xuất kho do thủ kho gửi đến kế toán kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu theo từng mặt hàng về số lượng và giá trị. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết nguyên vật liệu, đối chiếu với thẻ kho theo số lượng. Sau đó kế toán tổng hợp số liệu ở các sổ chi tiết nguyên vật liệu vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu theo từng mặt hàng, nhóm hàng để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp

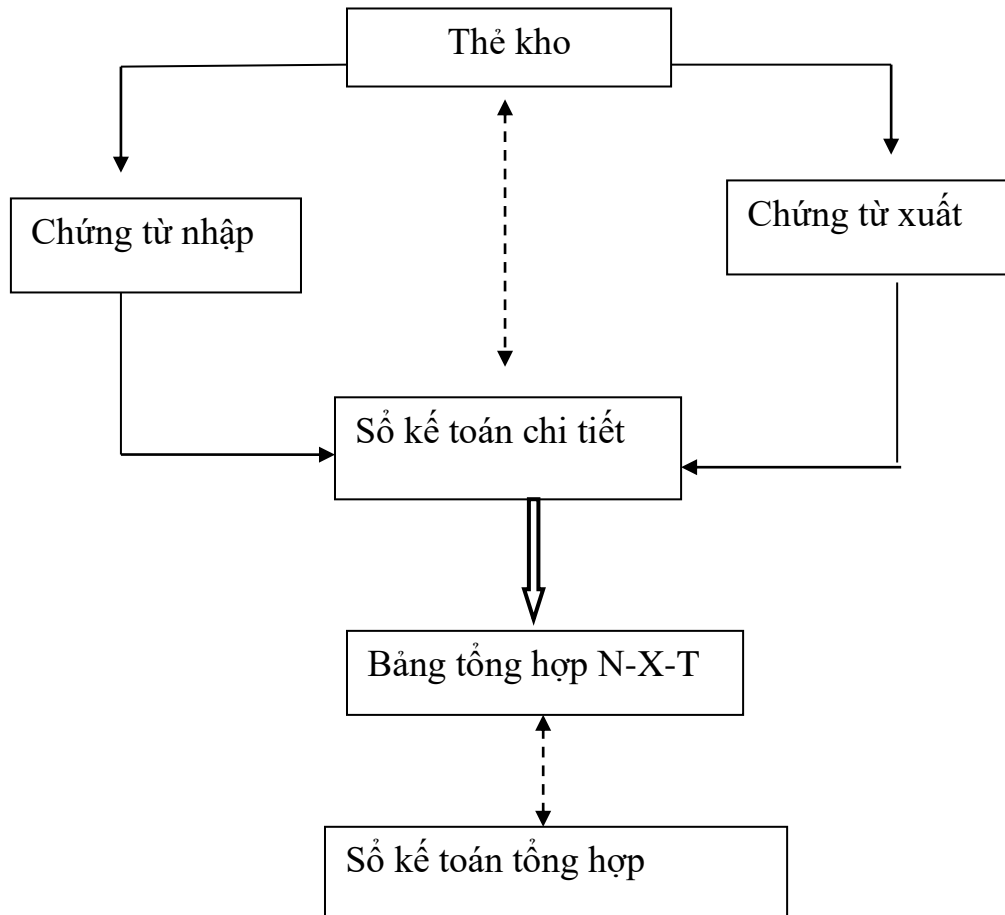
Ưu , nhược điểm và phạm vi áp dụng:

Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra, đối chiếu số liệu, đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh

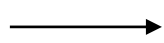
Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và kế toán còn trùng lặp về số lượng. Mặt khác do việc kiểm tra đối chiếu được tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán

Phạm vi áp dụng: Phù hợp với doanh nghiệp có chủng loại mặt hàng, số lượng, nghiệp vụ nhập - xuất kho ít, trình độ của chuyên môn kế toán chưa cao.

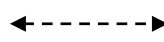
Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



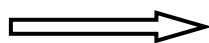
Ghi chú



Ghi hằng ngày



Đối chiếu, kiểm tra



Ghi cuối tháng, hoặc định kì

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

a) *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho mở cho từng danh điểm vật liệu. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập xuất, thủ kho ghi số lượng vật liệu thực nhập và thực xuất vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một dòng.

b) *Tại phòng kế toán:* Để theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu cả về mặt lượng và mặt giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cho cả năm và được ghi chép 1 lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp những chứng từ nhập, xuất trong tháng, mỗi danh điểm vật liệu được ghi vào một dòng trên sổ

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, tiến hành phân loại theo từng vật liệu riêng hoặc có thể lập “Bảng kê nhập” và “Bảng kê xuất”.

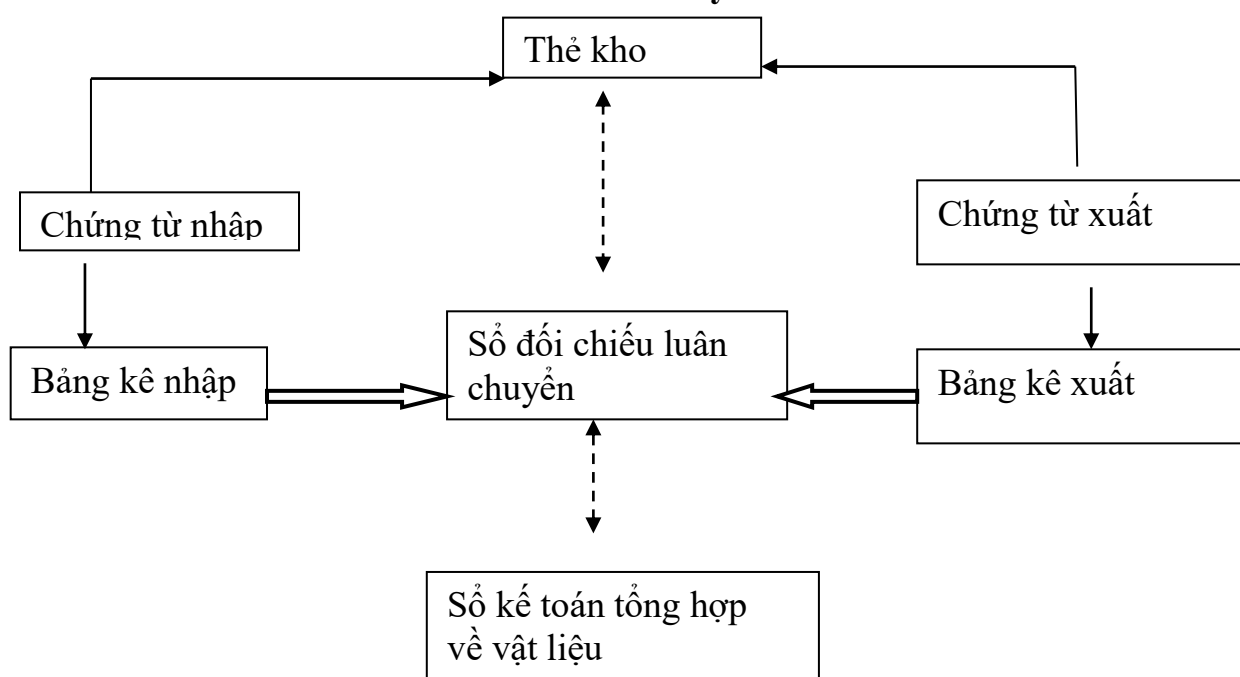
- Cuối tháng, tập hợp số liệu từ các chứng từ hoặc bảng kê ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

- *Ưu điểm:* Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi vào 1 lần cuối tháng.

- *Nhược điểm:* Vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa thủ kho và phòng kế toán, công việc dồn vào cuối tháng sẽ gây chậm số liệu, hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên của phòng kế toán.

- *Điều kiện áp dụng:* Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú

- Ghi hằng ngày
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra
- ⇒ Ghi định kì, cuối tháng

1.2.1.3: Phương pháp sổ dư

a) *Tại kho:* Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho theo chỉ tiêu số lượng của từng loại vật liệu. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng loại vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vào sổ sổ dư

b) *Tại phòng kế toán:* Kế toán dựa vào số lượng nhập, xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu tổng hợp từ các chứng từ nhập xuất mà kế toán nhận được khi kiểm tra định kỳ 3,5 hoặc 10 ngày một lần kèm theo “Phiếu giao nhận chứng từ” và giá hạch toán để tính trị giá thành tiền nguyên vật liệu nhập, xuất theo từng danh điểm, từ đó ghi vào “Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn” (Bảng này được mở theo từng kho). Cuối tháng, tiến hành tính tiền trên “Sổ sổ dư” do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho trên “Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn”.

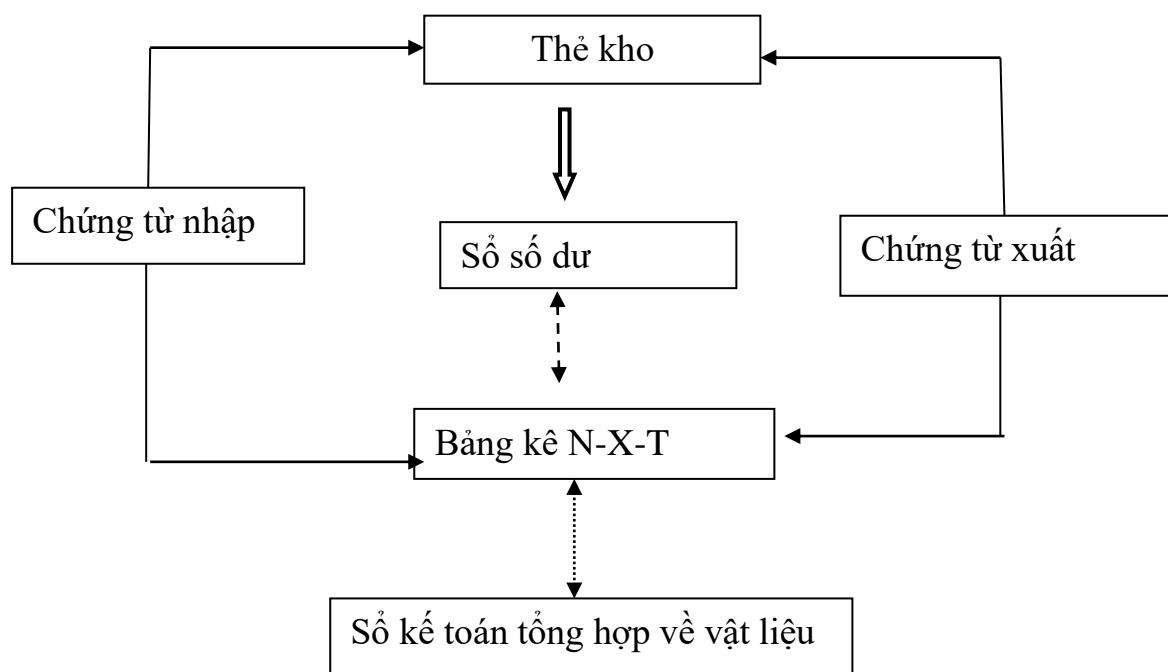
- *Ưu điểm:* Giảm nhẹ khối lượng ghi chép hàng ngày, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên của kế toán với việc nhập, xuất nguyên vật liệu hàng ngày.

- *Nhược điểm:* Nếu có sai sót khó phát hiện, khó kiểm tra và đòi hỏi yêu cầu trình độ quản lý của thủ kho và kế toán phải khá nếu không sẽ dẫn đến sai sót.

- *Điều kiện áp dụng:* Vật tư có nhiều chủng loại, các nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống đơn giá hạch toán và danh điểm vật tư, kế toán viên có trình độ cao, thủ kho có chuyên môn tốt.

Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ sổ dư được khái quát bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú

- Ghi hằng ngày →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔
- Ghi định kì, cuối tháng ⇒

1.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên kế toán áp dụng tổng hợp nguyên vật liệu có thể tiến hành theo một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp kế toán kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm kê định kỳ

Việc sử dụng phương pháp nào là tùy thuộc vào doanh nghiệp và yêu cầu của công việc quản lý, trình độ của cán bộ kế toán cũng như các quy định của chế độ kế toán hiện hành

1.2.2.1: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi, phản ánh thường xuyên liên tục có hệ thống tình hình tăng giảm nguyên vật liệu trên sổ kế

toán sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên các tài khoản kế toán nguyên vật liệu được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư. Vì vậy giá trị của nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán .

Cuối kỳ căn cứ số liệu kiểm kê thực tế nguyên vật liệu, so sánh, đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế phải phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có giải pháp kịp thời. Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn

Việc tính trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập, xuất trong kỳ được căn cứ vào các phiếu nhập, phiếu xuất kho và đơn giá tính theo phương pháp lựa chọn.

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02- VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03-VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kì (Mẫu 04- VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 05- VT)
- Bảng kê mua vào(Mẫu 06- VT)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu (Mẫu 07- VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTKT3/001)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTTT3/001)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03XKNB3/001)

* Tài khoản sử dụng là TK 152

– Nguyên liệu vật liệu làm tài khoản chính, ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan như TK 111, 112, 331, 133, 151, 242, 621, 622, 627, 641, 642... Kết cấu nội dung của tài khoản 152

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

– Nguyên liệu, vật liệu: Tài khoản này phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu vật liệu trong kho của doanh nghiệp

Bên nợ: Trị giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, nhận vốn góp liên doanh, được cấp dịch vụ từ các nguồn khác.

Bên có: Phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn

- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng
- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.

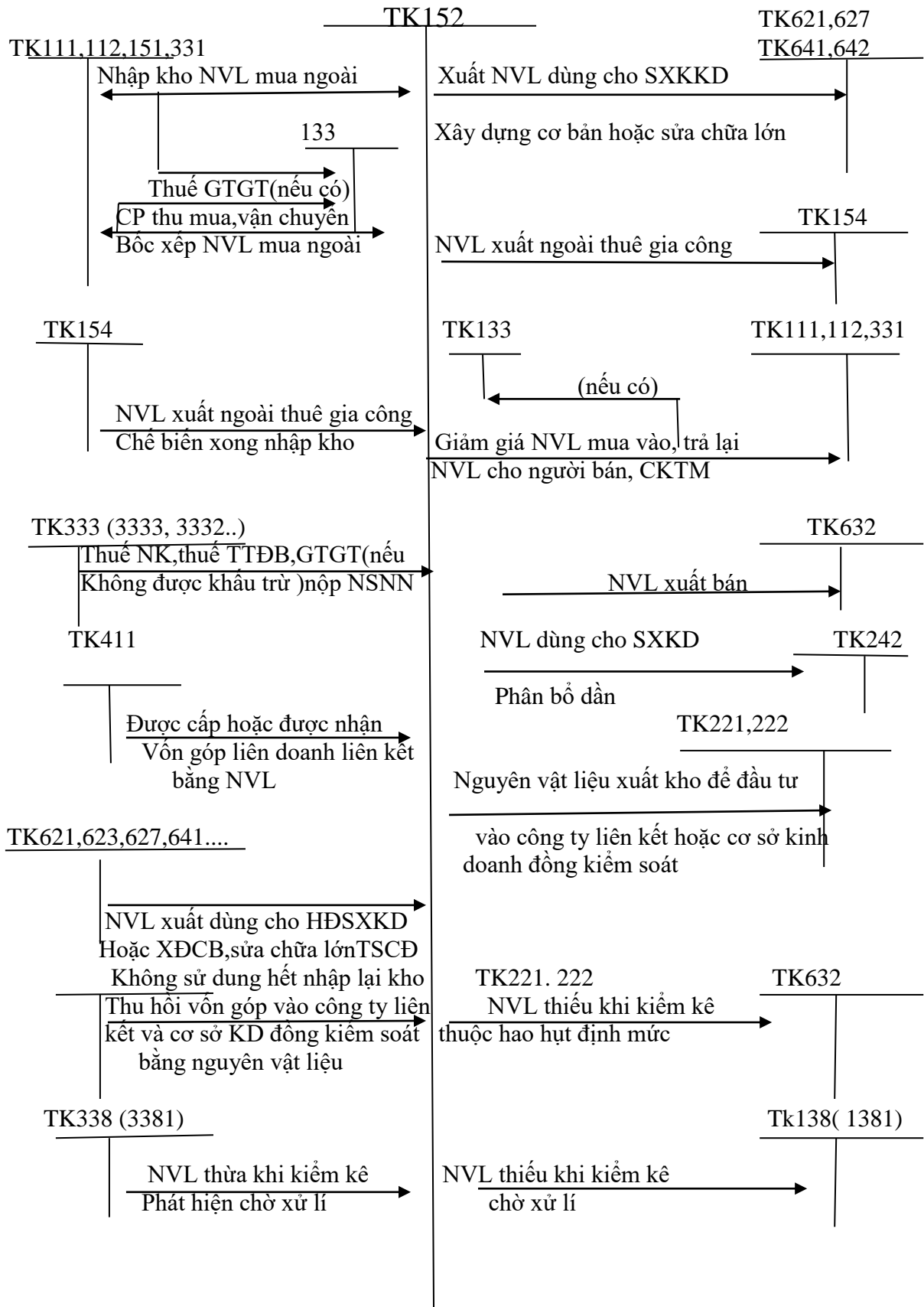
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát khi kiểm kê.

Dư nợ: Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

Phương pháp hạch toán: Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi tổ chức liên tục tình hình nhập xuất vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho tương ứng giá trị hàng hoá nguyên vật liệu mua vào chỉ được phản ánh trên TK611 “mua hàng”. Còn các tài khoản NVL tồn kho chỉ dùng để phản ánh NVL tồn kho lúc đầu kỳ và cuối kỳ. Hơn nữa giá NVL tồn kho lại không căn cứ vào số liệu trên các tài khoản, sổ kế toán mà lại căn cứ vào kết quả kiểm kê. Song song với việc mua vào là quá trình xuất kho nguyên vật liệu cũng không căn cứ trực tiếp vào chứng từ xuất kho để tổng hợp, phân loại theo các đối tượng sử dụng rồi ghi sổ mà căn cứ vào kết quả kiểm kê lúc cuối kì và được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Giá trị thực tế} & & \text{Giá trị thực tế} & & \text{Giá trị thực tế} \\ \text{của NVL xuất} & = & \text{của NVL tồn kho} & + & \text{của NVL nhập} & - & \text{của NVL tồn kho} \\ \text{kho trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

Ưu điểm: giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quày, bến bãi

Nhược điểm: trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng (hoặc xuất bán)

Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 611: Tài khoản mua hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

Kết cấu của tài khoản:

Bên nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa nguyên liệu, vật liệu mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bên có:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ...tồn kho cuối kỳ

- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu vật liệu xuất sử dụng trong kỳ hoặc xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ)

- Giá gốc của nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá

Số dư cuối kỳ: Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ

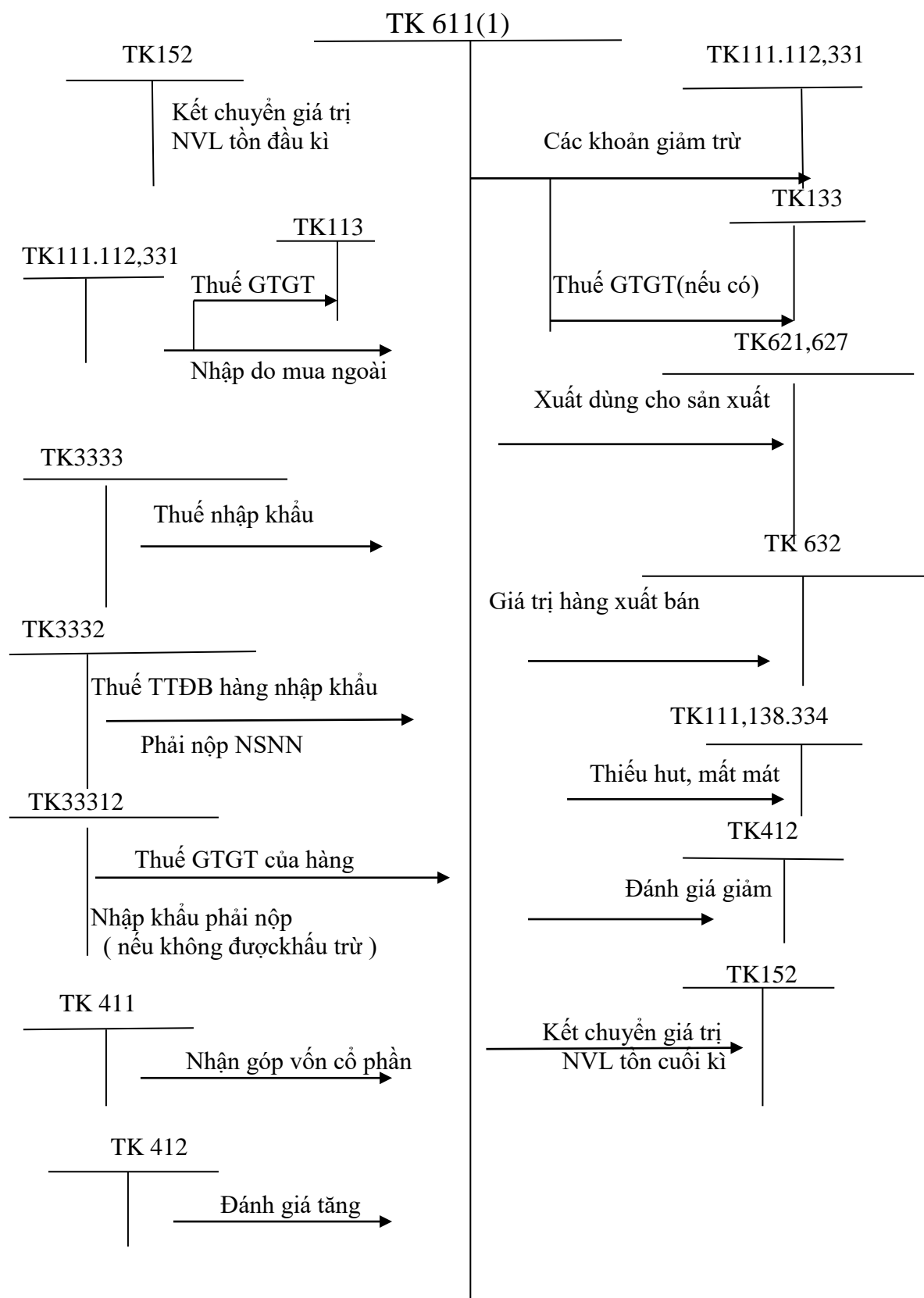
Tài khoản 611 – Mua hàng có 2 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, công cụ dụng cụ mua vào và xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ kế toán

- Tài khoản 6112 – Mua hàng hóa: Tài khoản này phản ánh giá trị hàng hóa mua vào và xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán

* Trình tự hạch toán kế toán tổng hợp theo phương pháp kiểm kê định kỳ qua sơ đồ

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3: Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Theo điều 122 Thông tư 200/2014/TT- BTC quy định: Doanh nghiệp được tự xây dựng mẫu sổ kế toán và hình thức ghi sổ kê toán nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin và giao dịch kinh tế một cách minh bạch, phản ánh đầy đủ, kịp thời, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Nếu không tự xây dựng được thì có thể áp dụng các hình thức sổ kế toán được hướng dẫn trong phụ lục số 4 Thông tư 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính để lập Báo cáo tài chính nếu phù hợp với đặc điểm quản lý, và kinh doanh của công ty. Các hình thức ghi sổ kế toán doanh nghiệp có thể vận dụng như sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán nhật ký sổ cái
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

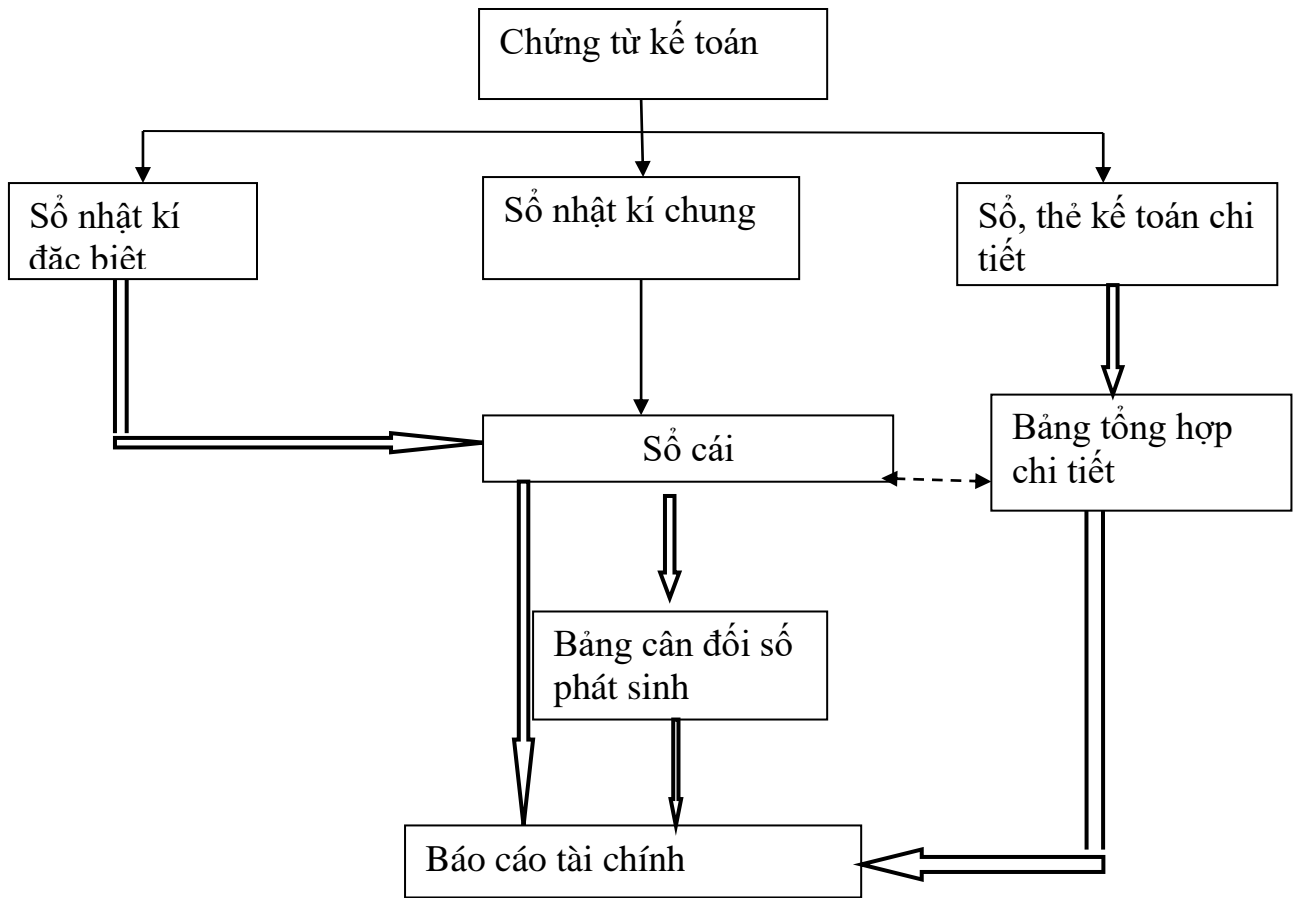
Dưới đây bài viết đi vào mô tả chi tiết trình tự ghi sổ kê toán theo hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt, Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

→ Ghi hằng ngày

⇒ Ghi định kì

↔ Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG II:
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

2.1: Khái quát chung về công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển

Tên công ty: Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

Tên giao dịch: Fulin Plastic Industry Joint Stok Company

Địa chỉ: Km9, Đường Phạm Văn Đồng, Quận Dương Kinh, Thành Phố Hải Phòng

Nơi đăng kí quản lí: Cục thuế Thành Phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0200109445

SĐT : 0313860399

Fax : 031830373

Vốn điều lệ : 14000000 USD

Vốn đầu tư : 36000000 USD

100% vốn đầu tư Đài Loan

Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm là một doanh nghiệp 100% vốn Đài Loan. Được bộ Kế Hoạch và Đầu Tư cấp giấy phép số 1946/GP ngày 12/7/1997. Qua nhiều lần điều chỉnh và cổ phần hóa nay được UBND thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận số 021033000101 ngày 30/6/2008. Chính thức được cấp giấy chứng nhận đầu tư năm 1997, sau hơn một năm tích cực triển khai thi công, tháng 1 năm 1999 Nhà máy sản xuất vải giả da với dây chuyền công nghệ hiện đại của Công ty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Phú Lâm đã đi vào hoạt động.

Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất vải giả da, nên ngay từ đầu Công ty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Phú Lâm đã đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị tiên tiến nhất. Để phục vụ cho việc đào tạo, quản lý, Phú Lâm cũng đã mời những chuyên gia hàng đầu từ Đài Loan sang làm việc, đào tạo, hướng dẫn cho cán bộ công nhân mới tại nhà máy.

Về Phú Lâm có lẽ đáng nói hơn cả là sự tăng trưởng ấn tượng ngay cả trong khoảng thời gian khó khăn nhất do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính,

tiền tệ thế giới. Theo ông Huang Cheng Hung - Phó Tổng Giám đốc Công ty, để có được những kết quả đó là nhờ Phú Lâm đã có chiến lược phát triển đúng đắn, bên cạnh đó là những sách lược linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về chiến lược, Phú Lâm luôn coi sự ổn định chất lượng sản phẩm là thước đo cho kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Mỗi sản phẩm của Phú Lâm khi rời xưởng đều được quản lý hết sức chặt chẽ về chất lượng qua nhiều công đoạn khác nhau, ở mỗi khâu, mỗi bộ phận đều có bộ phận giám sát, kiểm tra chất lượng. Khi xuất xưởng, các sản phẩm cũng đều được lưu lại mẫu để theo dõi, kiểm soát chất lượng sau bán hàng. Bằng cách làm đó, uy tín, thương hiệu của Phú Lâm không ngừng được nâng cao.

Bên cạnh việc đảm bảo sự ổn định của chất lượng sản phẩm, Phú Lâm cũng có những chiến lược kinh doanh khá độc đáo để chiếm lĩnh thị trường. Trước khi nhà máy đi vào hoạt động, Phú Lâm đã chủ động xây dựng cho mình một hệ thống đại lý kinh tiêu, cũng như đưa ra các mức thưởng hấp dẫn và cạnh tranh cho các đại lý kinh tiêu đó. Phú Lâm đã nghiên cứu rất kỹ nhu cầu thị trường từ Bắc vào Nam, trên cơ sở đó xây dựng số lượng hệ thống đại lý phù hợp cho từng miền... đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu cho từng vùng, không bị chồng chéo lên nhau.

Không chỉ tăng trưởng mạnh mẽ trong bối cảnh nền kinh tế khủng hoảng. Trong thời gian đó, Phú Lâm còn tranh thủ tích lũy được một khối lượng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất với giá hấp dẫn. Phú Lâm cũng tận dụng thời điểm này để đa dạng hóa sản phẩm, mạnh dạn đưa ra thị trường những mẫu sản phẩm mới.

Bằng sự đầu tư bài bản, chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Công nghiệp Nhựa Phú Lâm đã trở thành một trong những thành công điển hình về thu hút đầu tư của thành phố cảng Hải Phòng.

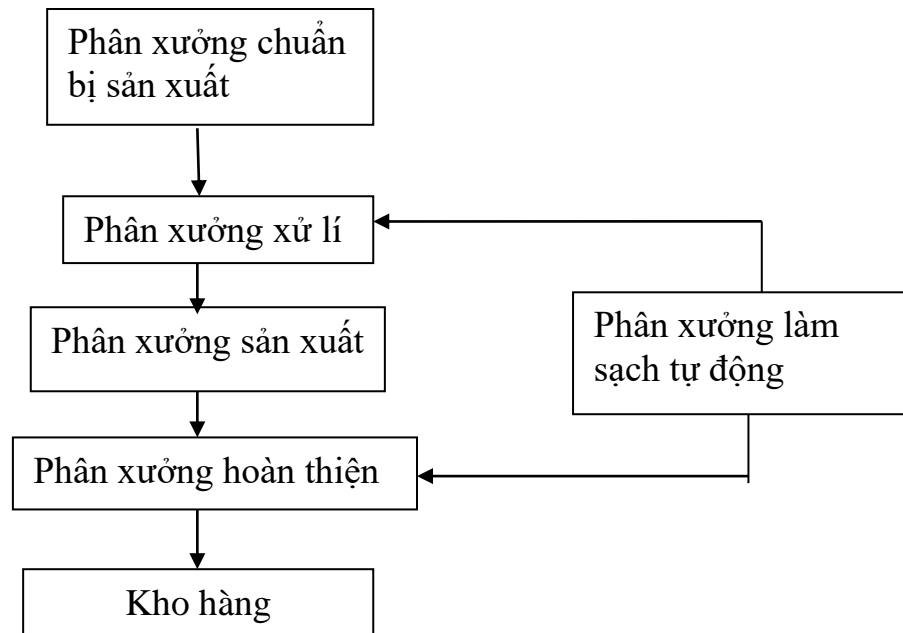
2.1.2: Sản phẩm và quy trình sản xuất

**** Sản phẩm kinh doanh***

Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm chuyên sản xuất các mặt hàng vải giả da, màng nhựa PVC cung cấp cho các nhà xưởng để sản xuất ghế sofa, áo mưa, cặp túi, giày dép, đồ gia dụng, vải simili, vải giả da, vải áo mưa...

**Quy trình sản xuất sản phẩm*

Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm



Phân xưởng chuẩn bị sản xuất: Sau khi nguyên vật liệu nhập về được kiểm tra kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn thì được chuyển sang giai đoạn xử lí nguyên vật liệu để tiến hành sản xuất sản phẩm

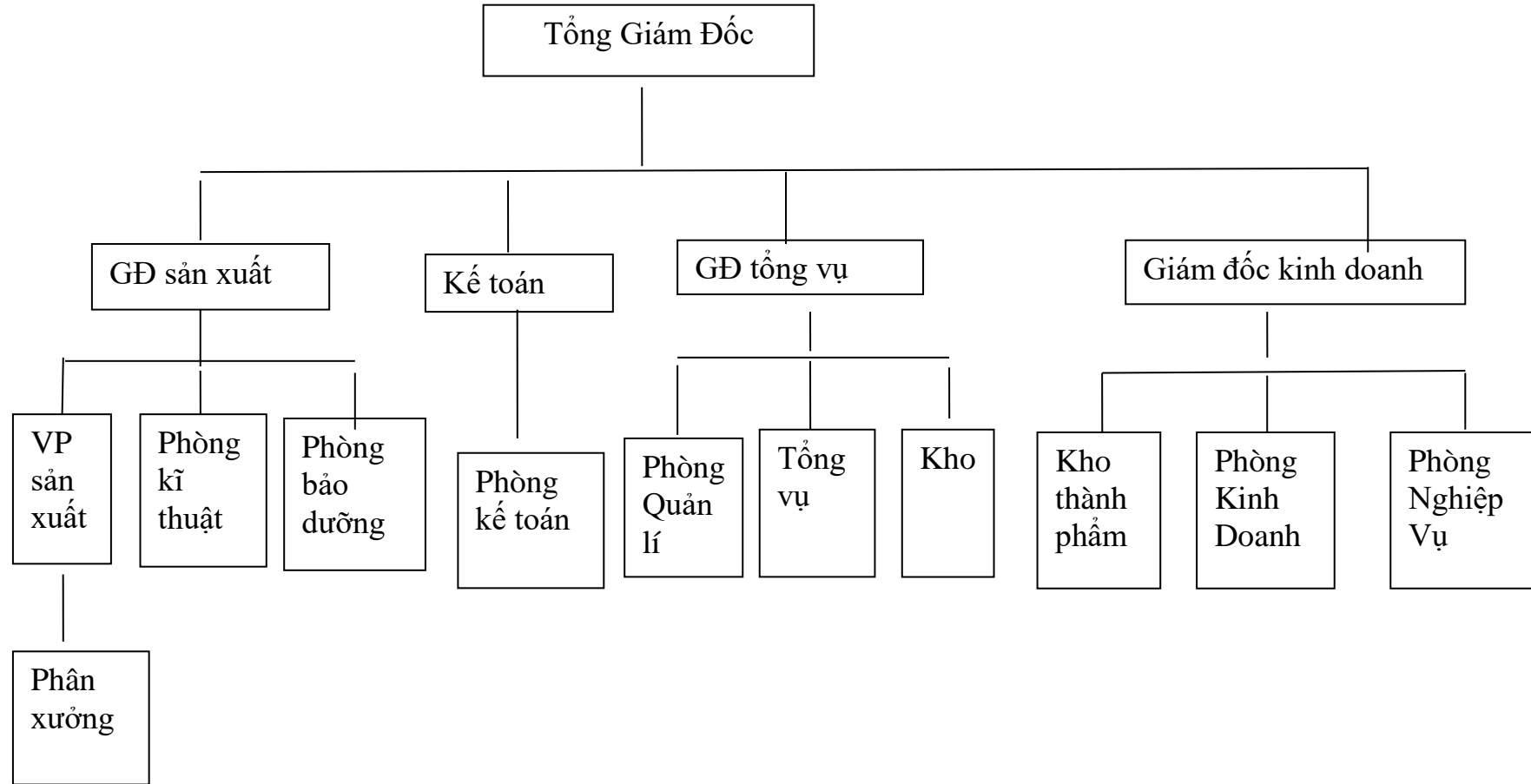
Phân xưởng xử lí: khi nhận được các hạt nhựa, các nguyên vật liệu phụ: bột đá, mực in,...đã được kiểm tra độ tiêu chuẩn . Phân xưởng làm sạch tự động luôn được vận hành để xử lí vấn đề vệ sinh của nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu được trộn theo một tỉ lệ nhất định để đảm bảo chất lượng sản phẩm.Sau đó nguyên vật liệu xử lí được sấy khô, làm sạch chuyên qua phân xưởng sản xuất

Phân xưởng sản xuất: Thực hiện nghiêm ngặt quy trình sản xuất để sản xuất ra các sản phẩm nhựa như: dây chuyền máy cán tráng, máy trộn, máy ép, máy phun...

Phân xưởng hoàn thiện: Sản phẩm sau đi được sản xuất, để nguội , lấy ra khuôn. Được kiểm tra chất lượng, số lượng, độ tiêu chuẩn. Sản phẩm dây chuyền sản xuất được làm sạch 100% vô trùng đáp ứng được yêu cầu nghiêm khắc về vệ sinh môi trường, tránh độc hại. Các sản phẩm sau khi được kiểm tra sẽ được in, dán tem, đóng gói, bảo quản và kết thúc quá trình sản xuất

Nhập kho: Sau khi sản phẩm được đóng gói thì được nhập kho

2.1.3: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh, phòng ban

* *Tổng Giám đốc:*

Tổng Giám Đốc công ty là người đại diện pháp nhân của công ty. Có quyền điều hành cao nhất trong công ty. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề sản xuất kinh doanh của công ty

Phê duyệt các kế hoạch sản xuất, đầu tư trang thiết bị, đào tạo, tổ chức bộ máy quản lí điều hành, nội quy lao động, các quy chế trả lương, thưởng và các quy định khác

Quyết định về tất cả các vấn đề có liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.

- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

-Tổ chức thực hiện những kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.

-Kiến nghị phương án bố trí tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

-Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh tổ chức trong công ty, trừ các chức danh trong HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

-Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, quyết định của HĐQT.

* *Giám đốc sản xuất*

-Quản lý, điều hành hệ thống quản lý chất lượng và vấn đề kỹ thuật của nhà máy

-Nghiên cứu, phát triển các quy trình sản xuất của nhà máy

-Đảm bảo tiến độ sản xuất được thực hiện theo kế hoạch

-Kiểm soát việc thực hiện quy trình, quy định về thiết bị máy móc, công nghệ sản xuất của công ty

-Giám sát việc sử dụng nguyên vật liệu theo đúng định mức

+ *Văn phòng sản xuất*

-Thực hiện sản xuất theo yêu cầu của Giám Đốc

-Đảm bảo quy trình sản xuất, cũng như chất lượng, yêu cầu của sản phẩm

-Hoàn thành số lượng sản phẩm theo kế hoạch đề ra

+ *Phòng kỹ thuật*

-Tổ chức quản lý việc thực hiện quá trình công nghệ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Tổ chức theo dõi việc quản lý bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị lên kế hoạch dự toán các hạng mục đại tu, trung tu dây chuyền thiết bị.

-Thiết kế công nghệ, thiết bị mới phục vụ sản xuất

+ *Phòng bảo dưỡng*

-Kiểm tra, sửa chữa các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất

-Đảm bảo các máy móc thiết bị được vận hành, hoạt động liên tục

-Đóng góp với ban lãnh đạo về vấn đề đổi mới, sửa chữa ,nâng cấp các thiết bị khi cần thiết

* *Giám đốc tổng vụ*

Là người hỗ trợ cho giám đốc ,bao quát các hoạt động chung của công ty

- Điều hành, giải quyết các khó khăn mà công ty gặp phải

- Trình bày các đề xuất, giải pháp cho Giám đốc duyệt

+ *Phòng quản lý*

-Lập và quản lý hệ thống chất lượng tại công ty.

-Theo dõi, áp dụng quy trình quản lý chất lượng, tổng hợp, đề ra các phương án cải tiến chất lượng sản phẩm.

+ *Phòng tổng vụ*

-Chịu trách nhiệm báo cáo trước giám đốc tổng vụ

-Đề xuất các giải pháp trước những khó khăn của doanh nghiệp

**Giám đốc kinh doanh*

-Lập và tổ chức, triển khai kế hoạch kinh doanh của công ty

-Tổ chức thu thập, đánh giá thông tin thị trường và đưa ra đề xuất, kiến nghị

-Chịu trách nhiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh trước giám đốc

-Phê duyệt phương án kinh doanh

+ *Phòng kinh doanh*

- Phòng này có trách nhiệm thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hoá .

- Làm công tác tiếp thị kinh doanh và tổ chức bán hàng dự trữ .

- Tìm cách để tiêu thụ được hàng hoá và quảng bá về các sản phẩm của công ty.

- Chủ động nghiên cứu thị trường

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Xây dựng trình Tổng giám đốc kế hoạch và chương trình làm việc của đơn vị mình , đảm bảo đúng quy định, chất lượng và hiệu quả của công tác tham mưu;
- Bảo đảm tuân thủ theo quy định của công ty và pháp luật của Nhà nước trong quá trình thực hiện công việc;
- Thường xuyên báo cáo Tổng giám đốc việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Bảo quản, lưu trữ, quản lý hồ sơ tài liệu, ...thuộc công việc của phòng theo đúng quy định, quản lý các trang thiết bị, tài sản của đơn vị được công ty giao;
- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

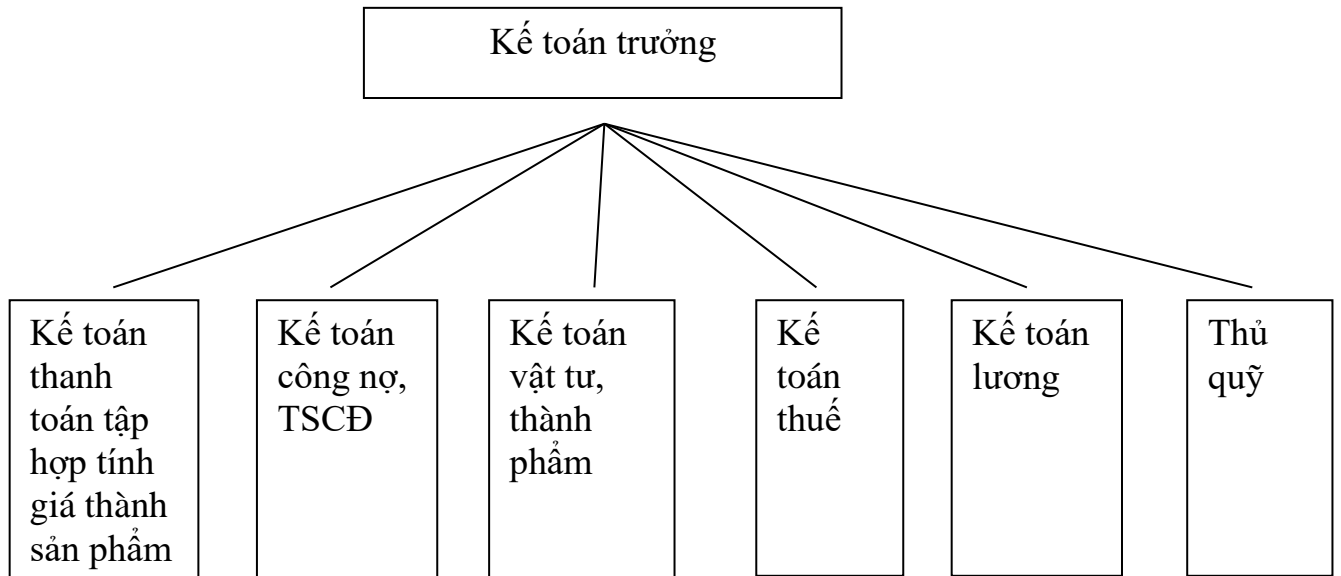
+ *Phòng nghiệp vụ*

- Có trách nhiệm báo cáo Giám đốc kinh doanh về các khó khăn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Đề xuất các giải pháp cần thiết cho công ty
- Thực hiện , chấp hành nghiêm chỉnh các quy chế, điều lệ của công ty
- Phản ánh chính xác, kịp thời các nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp
- Phối hợp ,cung cấp các số liệu cho các phòng ban để làm tốt công tác quản lí doanh nghiệp

2.1.4: Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm

2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán của công ty cổ phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm



Nhiệm vụ từng bộ phận trong bộ máy kế toán :

**Kế toán trưởng*: Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp.

Có trách nhiệm tổ chức công tác kế toán trong công ty, đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành. Trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kí duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình lên ban giám đốc. Đồng thời phải kí duyệt quyết toán quý, năm theo đúng quá trình kinh doanh

* *Kế toán thanh toán tập hợp tính giá thành sản phẩm*: Tổng hợp, bao quát tất cả các phần hành liên quan đến tiền và các khoản thanh toán của công ty. Có nhiệm vụ tổng hợp tài liệu từ các phần hành kế toán khác nhau để theo dõi trên các bảng kê, bảng phân bổ làm cơ sở cho việc tính chi phí và giá thành sản phẩm. Đồng thời kế toán cũng theo dõi cả phần phụ liệu. Hàng tháng, nhận các báo từ các phân xưởng sản xuất gửi lên, lập báo cáo nguyên vật liệu, căn cứ vào bảng phân bổ, bảng tổng hợp chi phí sản xuất để cuối tháng ghi vào bảng kê.

**Kế toán vật tư, thành phẩm*: Làm nhiệm vụ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng, tổng hợp các số liệu lập bảng kê theo dõi nhập xuất tồn và nộp báo cáo cho bộ phận kế toán tính giá thành. Phụ trách tài khoản 152. Khi có yêu cầu bộ phận kế toán nguyên vật liệu và các bộ phận khác tiến hành kiểm kê lại kho vật tư, đối chiếu với sổ kế toán. Nếu có thiếu hụt sẽ tìm nguyên nhân và biện pháp xử lý ghi trong biên bản kiểm kê.

**Kế toán công nợ, tài sản cố định*: Theo dõi tình hình phải thu, phải trả khách hàng, nhà cung cấp của công ty. Định kỳ lập biên bản xác nhận công nợ phải thu, phải trả với khách hàng. Theo dõi tình hình tăng, giảm Tài sản cố định. Lập tờ trình, xin ý kiến thay mới, sửa chữa TSCĐ cần thiết để phục vụ nhu cầu sản xuất, công tác quản lý doanh nghiệp.

**Kế toán thuế*: Thu thập xử lý các hóa đơn, chứng từ kế toán. Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các hóa đơn. Lập tờ khai thuế GTGT, lập báo cáo quyết toán thuế TNCN

**Kế toán lương*: tính toán và hạch toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, các khoản khấu trừ vào lương, các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, công nhân viên trong công ty. Hàng tháng căn cứ vào sản lượng của các bộ phận làm được và đơn giá lương của các bộ phận cùng với hệ số lương gián tiếp đồng thời ghi nhận các bảng thanh toán lương do các nhân viên ở phòng kế toán gửi lên, tổng hợp số liệu lập bảng tổng hợp thanh toán lương của công ty, lập bảng phân bổ

**Thủ quỹ*: Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt hoặc các khoản có giá trị. Kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn, quỹ tiền và phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền của công ty.

2.1.4.2: Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Phương pháp sử dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

Tính giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng)

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình

bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp theo TT 200/2014/TT của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch

Công ty sử dụng tiền Việt Nam Đồng là loại tiền chính trong hệ thống kế toán. Việc hoán đổi từ ngoại tệ sang tiền Việt Nam Đồng hoặc ngược lại sẽ dựa theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào thời điểm phát sinh giao dịch.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

2.1.4.3: Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản tại công ty

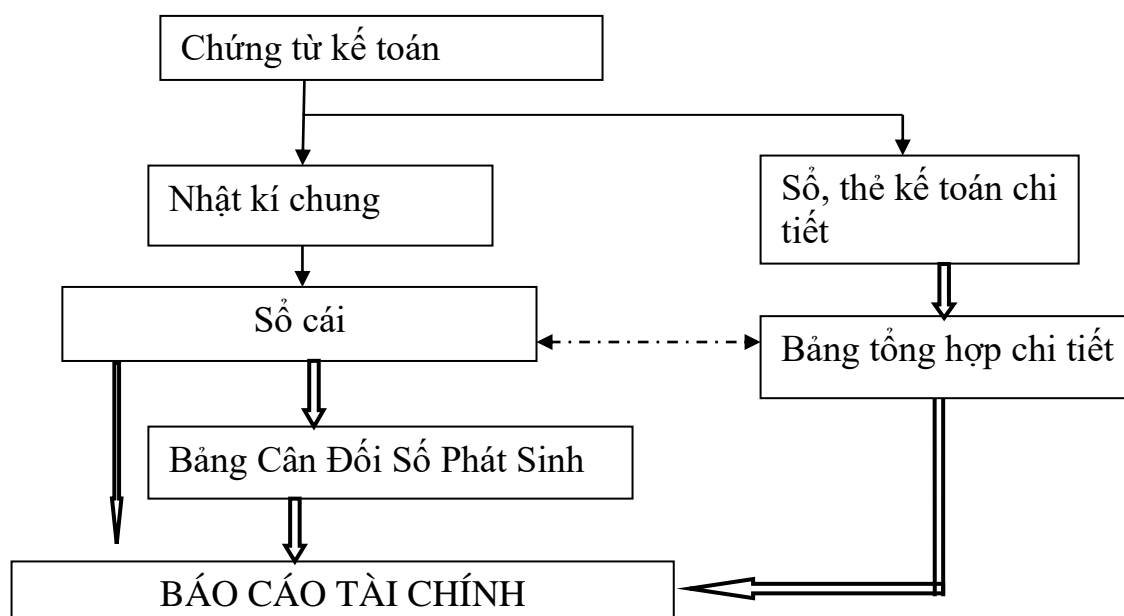
Hệ thống chứng từ và tài khoản của công ty áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo TT 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

Về chế độ tài khoản kế toán: Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán theo những quy định, kết hợp với yêu cầu, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý, hệ thống tài khoản của công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm sử dụng các tài khoản kế toán áp dụng theo TT 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và không có tài khoản nào không có trong chế độ. Đồng thời, các tài khoản cấp 1 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2, cấp 3 và cấp 4 cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu

2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được thiết lập theo quy định, phù hợp với đặc điểm của công ty gồm có: Nhật ký chung, sổ cái, sổ thẻ chi tiết, bảng tổng hợp

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ Kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



Ghi chú

- Ghi hằng ngày
- Ghi cuối kỳ
- Quan hệ đối chiếu ,kiểm tra

* Quá trình ghi sổ kế toán theo hình thức kê toán nhật ký chung

- Hằng ngày: Căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kê toán chi tiết. Căn cứ vào các số liệu đã ghi vào sổ nhật ký chung để vào sổ cái theo các tài khoản phù hợp

- Cuối kỳ: Từ sổ ,thẻ kê toán chi tiết là căn cứ để kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, đối chiếu kiểm tra số liệu khớp đúng với sổ cái. Cộng các số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Các số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống Báo cáo tài chính của công ty áp dụng theo TT200 của Bộ Tài Chính

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN),
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN),

- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

2.2: Thực trạng công tác kế toán Nguyên Vật Liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

2.2.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

2.2.1.1: Phân loại nguyên vật liệu.

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm là công ty sản xuất với số lượng lớn, đa dạng về chủng loại, mẫu mã. Để sản xuất sản phẩm công ty cũng cần một số lượng lớn nguyên vật liệu đa dạng về chủng loại để phục vụ tốt công tác sản xuất sản phẩm. Vì vậy, bộ máy quản lý của công ty phải làm tốt công tác quản lý nguyên vật liệu trong quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản, lưu trữ và sử dụng vật liệu để phục vụ quá trình sản xuất.

Nguyên vật liệu của công ty được nhập kho hoàn toàn do mua ngoài không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh, liên kết.

Để đảm bảo tiến độ sản xuất, nguyên vật liệu cần phải được cung cấp một cách kịp thời đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng, thoả mãn cho nhu cầu sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu phải cung cấp được thông tin một cách kịp thời, có hệ thống để phục vụ cho quản trị doanh nghiệp, cho việc lập kế hoạch thu mua vật liệu cũng như công tác tính giá thành sản phẩm

Do nhu cầu kế hoạch sản xuất, và sự biến động thường xuyên của nguyên vật liệu. Vì vậy, để quản lý có hiệu quả tình hình biến động của nguyên vật liệu, cần thiết phải tiến hành nguyên vật liệu

Căn cứ vào vai trò, tác dụng của nguyên vật liệu đồng thời để thuận tiện cho công tác theo dõi, quản lý vật tư. Công ty tiến hành phân loại nguyên vật liệu như sau:

- + Nguyên vật liệu chính: gồm các hạt, giả da các loại, da tự nhiên
 - + Nguyên vật liệu phụ: gồm bột màu, sơn các loại....
 - + Nhiên liệu: điện, xăng, dầu...
 - + Phụ tùng thay thế : là những nguyên vật liệu phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn...
 - + Nguyên vật liệu khác: giấy, mực in,...các đồ dùng văn phòng phục vụ cho công tác văn phòng, các phế liệu, bao bì đóng gói: Túi PE, hộp carton, bao PP...
- Cách phân loại này phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Tuy nhiên, công ty vẫn chưa xây dựng một số danh điểm vật tư, vẫn chưa theo một tiêu thức nhất định nào cả nên việc hạch toán vật tư vẫn gặp phải một số khó khăn

2.2.1.2: Thủ tục nhập xuất nguyên vật liệu

a, Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực tế sử dụng nguyên vật liệu của các bộ phận, phân xưởng sẽ lập danh sách nhu cầu sử dụng vật tư, phụ tùng cho năm kế hoạch bao gồm: số lượng và yêu cầu về chất lượng, kí mã hiệu, hãng sản xuất, thời gian và phương pháp đánh giá chất lượng và số lượng.

Phòng vật tư : lập kế hoạch mua hàng năm trình Tổng Giám đốc duyệt. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng, dữ liệu mua, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các báo cáo tồn kho và đánh giá chất lượng lưu kho, các báo cáo đánh giá phản hồi chất lượng của nơi sử dụng, diễn biến của thị trường cung cấp giá cả.

- Căn cứ vào kế hoạch mua hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế phòng Kỹ thuật vật tư lập kế hoạch mua theo quý, tháng trình Tổng giám đốc trước 7 ngày và thực hiện mua hàng trước 2 ngày của quý, tháng kế hoạch.

- Khi tiếp nhận hàng:

+ Thông báo thời gian giao hàng: Nhân viên giao hàng thông báo thời gian giao hàng để các bộ phận phối hợp. Nếu cần các bộ phận, phương tiện vận tải hỗ trợ phải có thông báo bằng các văn bản trình Ban Giám Đốc vật tư để gửi các bộ phận cùng phối hợp tiếp nhận hàng

+ Viết đề nghị nghiệm thu hàng để hoàn tất thủ tục nhập kho hàng. Phòng vật tư căn cứ vào giấy đề nghị nghiệm thu hàng làm thủ tục nhập kho. Nhân viên giao hàng nhận và đảm nhận đã kiểm tra nội dung chứng từ và tính hợp pháp, hợp lệ và chuyển cho nhân viên kế hoạch vật tư.

Thủ kho: Căn cứ vào hóa đơn, tiến hành nhập kho hàng hóa phù hợp với hợp đồng, đơn hàng hoặc kết luận trong các biên bản kiểm nghiệm nghiệm thu của xưởng sản xuất, cập nhật vào thẻ kho.

Nhân viên kế toán: căn cứ vào chứng từ viết phiếu nhập kho và vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Việc theo dõi nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp công ty đảm bảo được tình hình cung cấp, sản xuất sản phẩm. Do đó, chứng từ hóa đơn phải được lưu trữ theo quy định hiện hành.

Chứng từ sử dụng cho thủ tục nhập kho gồm: Hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho

Trình tự nhập kho: Khi nguyên vật liệu về đến công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuống
- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho
- Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ

Giá nguyên vật liệu nhập kho được tính như sau:

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí mua thực tế} - \text{Các khoản giảm giá, CKTM}$$

Trong đó: giá mua ghi trên HĐ là giá chưa có thuế

Chi phí mua thực tế: CP vận chuyển, bốc dỡ

Ví dụ 1: Ngày 06/12/2015, công ty nhập 30 tấn bột đá của công ty KSV. Star. Đơn giá chưa thuế GTGT của bột đá là 1.250.000. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán

Khi hàng về, thủ kho nhập kho theo số lượng thực tế. Kế toán căn cứ vào Hóa Đơn GTGT số 0000372 ngày 06/12/2015(biểu số 2.2), lập phiếu nhập kho số 21/12 (biểu số 2.3).Giá trị thực tế của NVL được tính như sau:

Giá trị thực tế của bột đá nhập kho bột đá= 30 x 1.250.000 = 37.500.000 (đồng)

Ví dụ 2: Ngày 08/12/2015, Công ty mua 340 kg mực in của công ty liên doanh TNHH INMEI, đơn giá chưa thuế GTGT là 98.000đ/kg. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khi hàng về , thủ kho nhập kho theo số liệu thực tế. Kế toán căn cứ vào Hóa Đơn GTGT số 0000426 ngày 08/12/2015 (biểu số 2.4), lập phiếu nhập kho 38/12(biểu số 2.5). Giá trị thực tế NVL nhập kho được tính như sau:

Giá trị thực tế của nhập kho mục in = $340 \times 98.000 = 33.320.000$ đồng)

Biểu số 2.1: Giấy đề nghị mua vật tư

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Bộ phận kỹ thuật

Đề phục vụ cho việc sản xuất đơn đặt hàng của công ty Thành Hưng ngày 26/11/2015

Kính đề nghị Ban Giám Đốc duyệt cho nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
01	Bột Đá	Tấn	30

Hải phòng, ngày 5 tháng 12 năm 2015

Giám Đốc

Bộ phận Kỹ Thuật

Bộ phận sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2: Hóa Đơn GTGT mua bột đá

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao người mua		Ký hiệu: AA/11P			
Ngày 6 tháng 12 năm 2015		Số: 0000372			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY KSV. Star					
Mã số thuế: 010024523					
Địa chỉ: Tòa nhà số 7-Ngọc Khánh- Ba Đình- Hà Nội					
Điện thoại		Fax:			
Số tài khoản:		Tại			
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Đức Anh					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM					
Địa chỉ: KM9, PHẠM VĂN ĐỒNG, DƯƠNG KINH, HẢI PHÒNG					
Số tài khoản					
Hình thức thanh toán: CK		Mã số thuế: 0200109445			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Bột Đá	Tấn	30	1.250.000	37.500.000
Cộng tiền hàng:.....					37.500.000
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:.....			3.750.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					41.250.000
Viết bằng chữ: Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho bột đá

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

Km 9, Phạm Văn Đồng- Dương Kinh- Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 6 tháng 12 năm 2015

Số 21/12

Nợ TK 152

Có TK 331

Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Đức Anh

Theo: Hoá đơn GTGT số 0000372 ngày 6 tháng 12 năm 2015

Nhập tại kho : Nguyên vật liệu

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Bột đá	BĐ	Tấn	30	30	1.250.000	37.500.000
	Cộng						37.500.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ) : ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn

- Số chứng từ kèm theo: 02

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4: Giấy đề nghị mua vật tư
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
KM9, PHẠM VĂN ĐỒNG, DƯƠNG KINH, HẢI PHÒNG

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Bộ phận kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất đơn đặt hàng của công ty Thành Hưng ngày
26/11/2015

Kính đề nghị Ban Giám Đốc duyệt cho nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
01	Mực in	kg	340

Giám Đốc

Bộ phận Kỹ Thuật

Bộ phận sản xuất

Hải phòng, ngày 7 tháng 12 năm 2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT mua mực in

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao người mua		Ký hiệu: AA/11P			
Ngày 8 tháng 12 năm 2015		Số: 0000426			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH MEI VIỆT NAM					
Mã số thuế: 3700387904					
Địa chỉ: Lô J, Đường số 6, KCN Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương					
Điện thoại		Fax:			
Số tài khoản:		Tại			
Họ và tên người mua hàng:.....Nguyễn Đức Anh					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM					
Địa chỉ: KM9, PHẠM VĂN ĐỒNG, DƯƠNG KINH, HẢI PHÒNG					
Hình thức thanh toán: CK			Mã số thuế: 0200109445		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Mực in VD401	kg	340	980.000	33.3200.000
Cộng tiền hàng:.....					33.320.000
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:.....			3.332.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					36.652.000
Viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Phiếu nhập kho mực in

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

Km 9, Phạm Văn Đồng- Dương Kinh- Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 8 tháng 12 năm 2015

Số 38/12

Nợ : TK 152

Có :TK 331

Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Đức Anh

Theo: Hoá đơn GTGT số 0000426 ngày 08 tháng 12 năm 2015

Nhập tại kho : Nguyên vật liệu

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Mực in	MI	kg	340	340	98.000	33.320.000
	Cộng						33.320.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ) : ba mươi ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn

- Số chứng từ kèm theo: 03

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Giấy đề nghị xuất vật tư

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Km 9, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng
GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ

Kính gửi: Bộ phận kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất đơn đặt hàng của công ty Thành Hưng ngày 01/12/2015

Kính đề nghị Ban Giám Đốc xuất cho nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
01	Bột đá	Tấn	35

Giám Đốc

Bộ phận Kỹ Thuật

Bộ phận sản xuất

Hải phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8: Phiếu xuất kho bột đá

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
KM 9, PHẠM VĂN ĐỒNG- DƯƠNG KINH- HẢI PHÒNG

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2015

Số 29/12

Nợ : TK 621

Có : TK152

- Họ và tên người nhận hàng: Lê Thanh Tùng.
- Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất.
- Lý do xuất kho: Xuất cho sản xuất.
- Xuất tại kho (ngăn lô): NVL

Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu Cầu	Thực xuất		
1	Bột đá	BĐ	Tấn	35	35		
	Cộng						

Tổng số tiền(viết bằng chữ):

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 08 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu *Người nhận hàng* *Thủ kho* *Kế toán trưởng* *Giám đốc*
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Ví dụ 4: Ngày 15/12/2015. Công ty xuất 185 kg mực in phục vụ sản xuất sản phẩm. Kế toán làm thủ tục xuất mực in và viết phiếu xuất kho 71/12 (biểu số 2.10)

Theo phương pháp bình quân gia quyền đơn giá mực in xuất kho được tính như sau:

*Tồn đầu kì (1/12): 75 kg , trị giá: 7.273.500 (đồng)

*Nhập trong kì: 1200kg, trị giá 116.275.000 (đồng)

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} & \quad 7.273.500 + 116.275.000 \\ \text{xuất kho cả kỳ} & \quad = \frac{\quad}{\quad} \\ \text{của mực in} & \quad \quad \quad 75 + 1200 \\ & \quad \quad \quad = 96.901 \text{ (đ/kg)} \end{aligned}$$

Vậy trị giá xuất kho của mực in ngày 15/12/2015 : 185 x 96.901= 17.926.685 (đ)

Biểu số 2.9: Giấy đề nghị xuất vật tư

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
KM 9, PHẠM VĂN ĐÔNG, DƯƠNG KINH, HẢI PHÒNG**

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ

Kính gửi: Bộ phận kỹ thuật

Để phục vụ cho việc sản xuất đơn đặt hàng của công ty Thành Hưng ngày
01/12/2015

Kính đề nghị Ban Giám Đốc xuất cho nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
01	Mực in	kg	185

Hải phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giám Đốc

Bộ phận Kỹ Thuật

Bộ phận sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10: Phiếu xuất kho mực in

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

Km 9, Phạm Văn Đồng- Dương Kinh- Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Số 71/12

Nợ : TK 621

Có : TK152

- Họ và tên người nhận hàng: Lê Thanh Tùng.

- Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất.

- Lý do xuất kho: Xuất cho sản xuất.

- Xuất tại kho (ngăn lô): NVL

Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu Cầu	Thực xuất		
1	Mực in	MI	Tấn	185	185		
	Cộng						

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

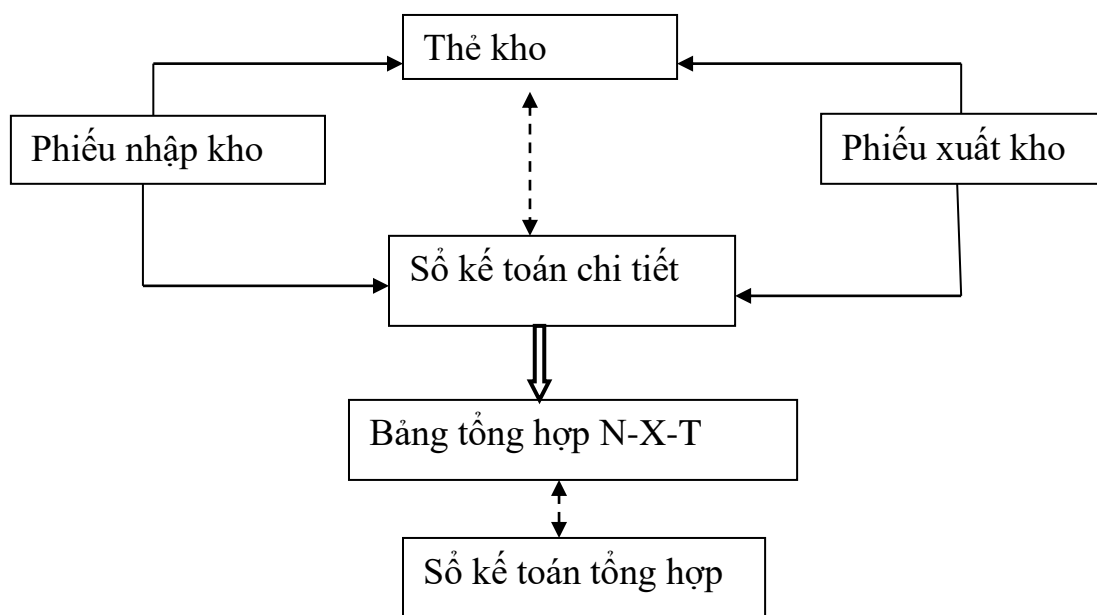
Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

2.2.1.3: Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là nội dung quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Do tính phức tạp của nguyên vật liệu trong quá trình sử dụng và quản lý nên công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm đã lựa chọn phương pháp ghi thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ kế toán chi tiết tại công ty CP Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm



- Ghi chú: Ghi hằng ngày →
- Ghi định kì →
- Đối chiếu, kiểm tra ←

***Mô tả quy trình**

Thủ kho: Hằng ngày thủ kho căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất để ghi vào thẻ kho chi theo dõi về mặt lượng. Cuối tháng, thủ kho phải tính ra số lượng nguyên vật liệu tồn trên thẻ kho. Tùy theo yêu cầu của từng loại vật liệu có tính chất khác nhau mà kiểm tra số liệu tồn khác nhau. Hàng tháng, thủ kho cùng kế toán kiểm tra, đối chiếu sự trùng khớp thẻ kho và thẻ kế toán chi tiết để phát hiện ra tình trạng thừa thiếu, tồn kho nguyên vật liệu. Thủ kho tiến hành phân loại chứng từ: phiếu nhập, phiếu xuất theo trình tự thời gian, số chứng từ cho bộ phận kế toán theo dõi, kiểm tra

Tại phòng kế toán: Kế toán phải theo dõi tình hình nhập- xuất nguyên vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng, kế toán cộng sổ chi tiết nguyên vật liệu, đối chiếu với thẻ kho theo số lượng. Sau đó kế toán tổng hợp số liệu ở sổ chi tiết nguyên vật liệu vào bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn nguyên vật liệu để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp

Ví dụ (tiếp ví dụ 1): Ngày 6/12/2015, công ty nhập 30 tấn bột đá của công ty KSV. Star. Đơn giá chưa thuế GTGT của bột đá là 1.250.000 đồng. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán

Khi nguyên vật liệu nhập kho, từ phiếu nhập kho (biểu số 2.3), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (biểu số 2.12). Cuối kì, kế toán căn cứ vào số liệu từ sổ chi tiết vật liệu lập bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.15)

Ví dụ (tiếp ví dụ 3): : Ngày 8/12/2015, Theo yêu cầu xuất 35 tấn bột đá từ phân xưởng đã được xét duyệt để phục vụ sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất bột đá, và viết phiếu xuất kho số 29/12 (biểu 2.8).

Khi nguyên vật liệu xuất kho, từ phiếu xuất kho (biểu số 2.8), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (biểu số 2.12). Cuối kì, kế toán căn cứ vào số liệu từ sổ chi tiết vật liệu lập bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.15)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11: Trích thẻ kho bột đá

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

Km 9, Phạm Văn Đồng- Dương Kinh- Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ :01/12/2015

Tên, nhãn, quy cách, vật tư: Bột đá

Mã: BĐ

ST T	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập,xuá t	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				Tồn đầu tháng				12
1	01/12	PN 5/12		Nhập kho bột đá	01/12	20		32
2	06/12	PN 21/12		Nhập kho bột đá	06/12	30		62
3	08/12		PX29/12	Xuất kho bột đá	08/12		35	27
4	09/12	PN29/12		Nhập kho bột đá	09/12	45		72
...
11	18/12	PN75/12		Nhập kho bột đá	18/12	20		40
...
15	21/12	PN82/12		Nhập kho bột đá	21/12	30		60
...
28	25/12		PX 98/12	Xuất kho bột đá	25/12		20	10
...
32	28/12		PX138/1 2	Xuất kho bột đá	28/12		45	15
...
				Cộng phát sinh		180	150	
				Số dư cuối tháng				42

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thủ kho

Kế Toán Trưởng

Giám Đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12: Sổ chi tiết vật liệu dụng cụ sản phẩm hàng hóa

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

Địa chỉ: Km9, Phạm Văn Đồng Dương Kinh, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2015

Tài khoản: 152

Tên Kho: NVL – Nguyên vật liệu

Vật tư: Bột Đá

Mã: BĐ

Đơn giá bình quân= 1.254.375 (đ/tấn)

Đơn vị tính: Tấn

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		<u>Số dư đầu tháng 12</u>		<u>1.245.000</u>					12	<u>14.940.000</u>	
PX05/12	01/12	Nhập kho bột đá	331	1.250.000	20	25.000.000			32		
PN21/12	06/12	Nhập kho bột đá	331	1.250.000	30	37.500.000			62		
PX29/12	08/12	Xuất kho bột đá	621				35		27		
PN59/12	09/12	Nhập kho bột đá	331	1.250.000	45	56.250.000			72		
...	
PN138	28/12	Nhập kho bột đá	112	1.250.000	45	56.250.000			15		
.....	
		Cộng số phát sinh			180	225.900.000	150	188.156.250			
		<u>Số dư cuối tháng 12</u>		<u>1.254.375</u>					42	<u>52.683.750</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ví dụ (tiếp ví dụ 2): Ngày 08/12/2015 công ty mua 340 kg mực in của công ty liên doanh TNHH IN MEI Việt Nam với đơn giá là 98000đ/kg. Tổng giá thanh toán là 35.652.000 đồng. Doanh nghiệp chưa thanh toán.

Khi nguyên vật liệu mực in nhập kho, từ phiếu nhập kho (biểu số 2.6), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.13), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (biểu số 2.14). Cuối kì, kế toán căn cứ vào số liệu từ sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa lập bảng tổng hợp Nhập- Xuất- Tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.15)

Ví dụ (tiếp ví dụ 4): Ngày 15/12/2015. Công ty xuất 185 kg mực in phục vụ sản xuất sản phẩm . Kế toán làm thủ tục xuất bột đá và viết phiếu xuất kho 71/12 (biểu số 2.10)

Khi nguyên vật liệu xuất kho, từ phiếu xuất kho (biểu số 2.10), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.13), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (biểu số 2.14) . Cuối kì, kế toán căn cứ vào số liệu từ sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa lập bảng tổng hợp Nhập- Xuất- Tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.15)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13: Trích thẻ kho mục in

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
Km 9, Phạm Văn Đồng- Dương Kinh- Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ :01/12/2015

Tên, nhãn, quy cách, vật tư:mục in

Mã: MI

DVT:kg

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập,xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				<u>Tồn đầu tháng</u>				<u>75</u>
1	08/12	PN38/12		Nhập kho mục in	08/12	340		415
2	15/12		PX 71/12	Xuất kho mục in	15/12		185	230
...
8	19/12		PX92/12	Xuất kho mục in	19/12		270	320
...
11	23/12	PN58/12		Nhập kho mục in	15/12	160		240
...
15	26/12		PX 102/12	Xuất kho mục in	26/12		200	170
...
				Cộng phát sinh		1200	1150	
				<u>Số dư cuối tháng</u>				<u>125</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thủ kho

Kế Toán Trưởng

Giám Đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.14: Sổ chi tiết vật liệu dụng cụ sản phẩm hàng hóa

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

Địa chỉ: Km9, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2015

Tài khoản: 152

Tên Kho: NVL – Nguyên vật liệu

Vật tư: Mực in

Mã:MI

Đơn giá bình quân: 96.901 (đ/ kg)

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
					SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		<u>Số dư đầu tháng 12</u>		96.980					75	<u>7.273.500</u>	
PN38/12	8/12	Nhập kho mực in	331	98.000	340	33.320.000			415		
PX71/12	15/12	Xuất kho mực in	621				185		230		
...	
PX89/12	19/12	Xuất kho mực in	621				70		320		
....	
PN57/12	23/12	Nhập kho mực in	331	97.200	100	9.720.000			180		
....	
		Cộng số phát sinh			1200	116.275.000	1150	111.436.150			
		<u>Số dư cuối tháng 12</u>		<u>96.901</u>					<u>125</u>	<u>12.112.625</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Trích bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tháng 3/2015

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản 152-Nguyên vật liệu

Tháng 12 năm 2015

STT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
I	Nhóm vật liệu chính									
1	Vải	Tấn	536	96.250.000	3.714.	557.980.408	3.970	619.217.000	280	35.013.408
...
5	Bột đá	Tấn	12	14.940.000	180	225.900.000	150	188.156.250	42	52.683.750
...
II	Nhóm vật liệu phụ									
1	Mực in	kg	75	7.273.500	1200	116.275.000	1150	111.436.150	125	<u>12.112.625</u>
2	Bột màu	kg	85	3.145.000			20	740.000	65	2.405.000
...
	Cộng			1.570.577.731		1.150.236.118		959.290.736		1.761.523.113

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Công Nghiệp Phú Lâm

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán nguyên vật liệu, Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này tình hình biến động nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của Công ty trên sổ kế toán được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán

2.2.2.1: Chứng từ kế toán sử dụng

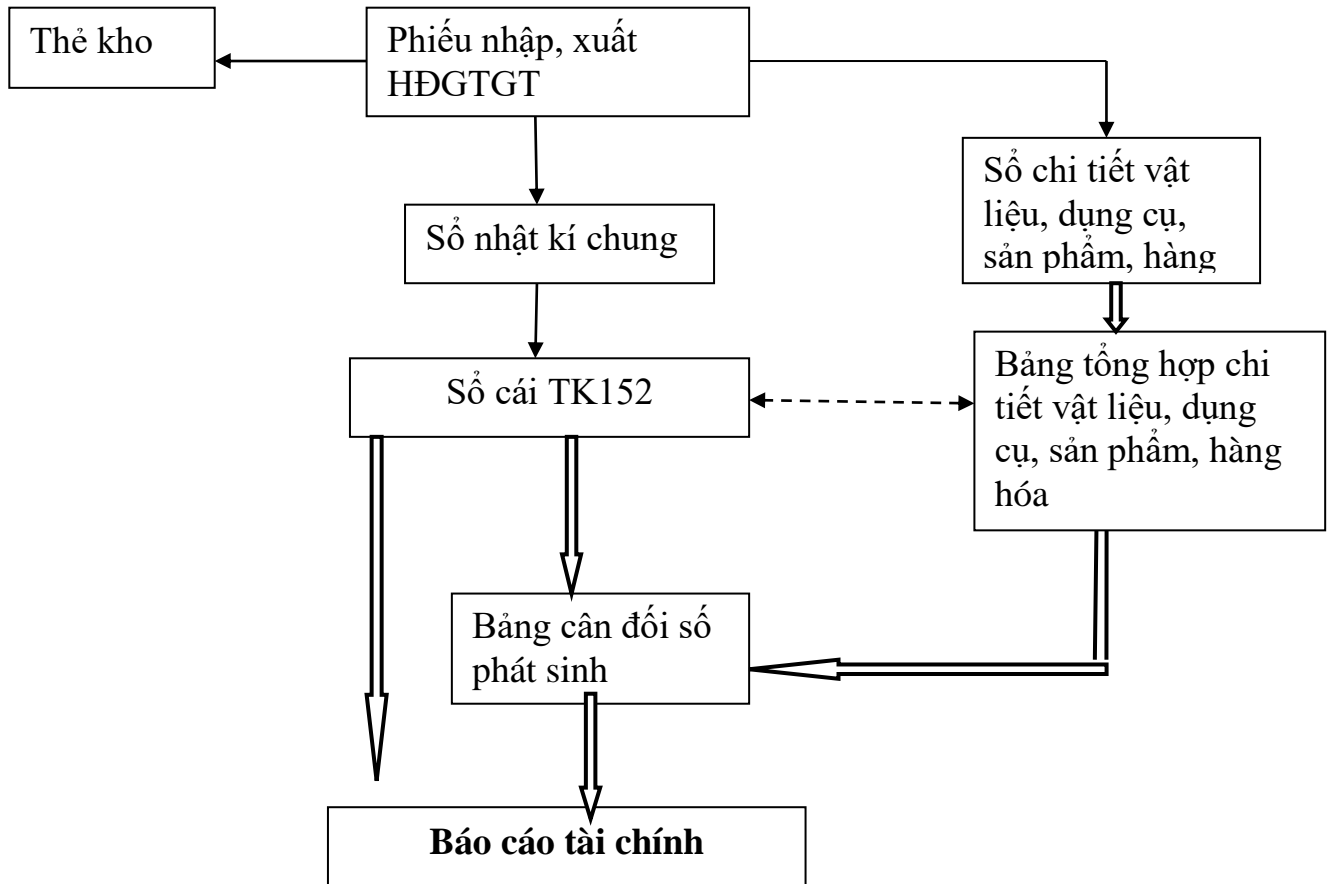
- Hoá đơn GTGT(mẫu 01GTKT3/001)
- Phiếu nhập kho (mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02- VT)
- Các chứng từ khác: Phiếu chi, Giấy báo nợ...

2.2.2.2: Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 152 : Nguyên liệu, vật liệu.
- TK liên quan: TK 111, TK 331, TK 133, TK 621

2.2.2.3: Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm



Ghi chú: ghi hằng ngày \longrightarrow
 Ghi định kì \Longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

2.2.2.4: Ví dụ minh họa

Ví dụ (tiếp ví dụ 1): Ngày 06/12/2015, công ty nhập 30 tấn bột đá của công ty KSV. Star. Đơn giá chưa thuế GTGT của bột đá là 1.250.000. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán

Căn cứ vào HĐGTGT nhập bột đá (biểu số 2.2) và phiếu nhập kho bột đá (biểu số 2.3) kế toán vào sổ nhật kí chung (biểu số 2.18) theo định khoản sau:

Nợ TK 152: 37.500.000

Nợ TK 133: 3.750.000

Có TK 331: 41.250.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Từ sổ Nhật Kí Chung (biểu số 2.18) kế toán vào sổ cái TK 152 (biểu số 2.19) và sổ cái các tài khoản 133, 331. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, từ Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo Cáo Tài Chính.

Ví dụ (tiếp ví dụ 2): Ngày 08/12/2015, Công ty mua 340 kg mực in của công ty liên doanh TNHH INMEI, đơn giá chưa thuế GTGT là 98.000đ/kg. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp chưa thanh toán.

Căn cứ vào HĐGTGT nhập mực in (biểu số 2.5) và phiếu nhập kho mực in (biểu số 2.6) kế toán vào sổ nhật kí chung (biểu số 2.16) theo định khoản sau:

Nợ TK 152 : 33.320.000

Nợ TK 133 : 3.332.000

Có TK 331 : 36.652.000

Từ sổ nhật kí chung (biểu số 2.18) kế toán vào sổ cái TK 152 (biểu số 2.19) và sổ cái các tài khoản 133, 331. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, từ Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo Cáo Tài Chính.

Ví dụ (tiếp ví dụ 3): Ngày 08/12/2015, Theo yêu cầu xuất 35 tấn bột đá từ phân xưởng đã được xét duyệt để phục vụ sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất bột đá, và viết phiếu xuất kho số 29/12 (biểu 2.8).

Căn cứ vào phiếu xuất kho bột đá 29/12 (biểu số 2.8) và các phiếu xuất kho liên quan đến xuất bột đá tháng 12 năm 2015, kế toán lập bảng kê xuất nguyên vật liệu bột đá (biểu số 2.16), từ bảng kê xuất kế toán vào sổ Nhật Kí Chung (biểu số 2.18) .Từ sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái tài khoản 152 (biểu số 2.19) và sổ cái tài khoản 621

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo Cáo Tài Chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Bảng kê xuất nguyên vật liệu bột đá

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2015

Tên quy cách nguyên vật liệu: Bột đá

Số: 18/12

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng sử dụng- TK621 Số lượng (tấn)	Ghi chú
SH	NT			
....		
PX29/12	8/12	Xuất kho bột đá phục vụ sản xuất sản phẩm	35	
...
PX98/12	25/12	Xuất kho bột đá phục vụ sản xuất sản phẩm	20	
...
PX138/12	28/12	Xuất kho bột đá phục vụ sản xuất sản phẩm	45	
....	
		<i>Tổng số lượng xuất trong kỳ</i>	150	
		<i>Đơn giá xuất</i>	1.254.375	
		<i>Thành tiền xuất trong kỳ</i>	188.156.250	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ (tiếp ví dụ 4) : Ngày 15/12/2015. Công ty xuất 185 kg mực in phục vụ sản xuất sản phẩm . Kế toán làm thủ tục xuất bột đá và viết phiếu xuất kho 71/12 (biểu số 2.10)

Căn cứ vào phiếu xuất kho mực in 71/12 (biểu số 2.10) và các phiếu xuất kho liên quan đến mực in tháng 12 năm 2015. Từ bảng kê xuất kế toán lập bảng kê xuất nguyên vật liệu (2.17). Từ bảng kê xuất kế toán vào sổ nhật kí chung (biểu số 2.18). Từ sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái tài khoản 152 (biểu số 2.19) và sổ cái tài khoản 621. Cuối kỳ, từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo Cáo Tài Chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Bảng kê xuất nguyên vật liệu

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2015

Tên quy cách nguyên vật liệu: Mực in

Số: 26/12

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng sử dụng- TK621 Số lượng (tấn)	Ghi chú
SH	NT			
....		
PX12/12	9/12	Xuất kho mực in phục vụ sản xuất sản phẩm	325	
...	
PX71/12	15/12	Xuất kho mực in phục vụ sản xuất sản phẩm	185	
....
PX110/12	19/12	Xuất kho mực in phục vụ sản xuất sản phẩm	210	
....	
		<i>Tổng số lượng xuất trong kỳ</i>	<i>1150</i>	
		<i>Đơn giá xuất</i>	<i>96.901</i>	
		<i>Thành tiền xuất trong kỳ</i>	<i>111.436.150</i>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18: Trích sổ Nhật Ký Chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

Địa chỉ: Km9, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
01/12	PT01/12	02/12	Thu tiền bán phế liệu	111 131	15.000.000	15.000.000.
...
02/12	PC02/12	02/12	TT Inmei HĐ9574	331 112	22.215.600	22.215.600
...
06/12	PN21/12 HDGTGT số 0000372	06/12	Nhập kho 30 tấn bột đá ,doanh nghiệp chưa thanh toán	152 133 331	37.500.000 3.750.000	41.250.000
...
08/12	PN38/12 HDGTGT số 0000426	08/12	Nhập kho 430 kg mực in, doanh nghiệp chưa thanh toán	152 133 331	33.320.000 3.332.000	36.652.000
...
31/12	BK18/12	08/12	Công ty xuất bột đá để phục vụ sản xuất sản phẩm	621 152	188.156.250	188.156.250
..
31/12	BK26/12	15/12	Xuất kho mực in phục sản xuất sản phẩm	621 152	111.436.150	111.436.150
..
31/12	GBC75/12	27/12	Thu tiền hàng Bách Hiền	112 131	117.786.205	117.786.205
....
			Cộng phát sinh		37.114.205.736	37.114.205.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19: Trích Sổ Cái TK 152

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM
ĐỊA CHỈ: KM9, PHẠM VĂN ĐỒNG, DƯƠNG KINH, HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật Kí Chung)

Tên Tài khoản: Nguyên Vật Liệu

Số hiệu : 152

Năm : 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu tháng 12		1.570.577.731	

				
06/12	PN21/12	06/12	Công ty nhập kho 30 tấn bột đá. Công ty chưa thanh toán	331	37.500.000	

08/12	PN38/12	08/12	Công ty nhập kho 340 kg mực in. Công ty chưa thanh toán	331	33.320.000	

10/12	PN 52/12	10/12	Công ty nhập 20 tấn hạt màu. Công ty thanh toán bằng chuyển khoản	112	30.000.000	
...
31/12	BK18/12	31/12	Xuất bột đá phục vụ sản xuất	621		188.156.250
...
31/12	BK26/12	31/12	Xuất 185 kg mực in phục vụ sản xuất	621		111.436.150
...
			Cộng phát sinh		1.150.236.118	959.290.736
			Số dư nợ cuối kỳ		1.761.523.113	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3: Công tác kiểm kê Nguyên Vật Liệu tại công ty cổ phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

Định kỳ cuối năm, Công ty tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số liệu sổ sách. Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là để xác định số lượng, chất lượng, tri giá nguyên vật liệu còn tồn kho, từ đó phát hiện số chênh lệch giữa sổ sách với thực tế để có biện pháp bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu cũng như tài sản của doanh nghiệp. Trước mỗi lần tiến hành kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để thuận tiện cho công tác kiểm kê, đồng thời các sổ sách nguyên vật liệu tại phòng kế toán cũng phải khóa sổ để thuận tiện cho công tác đối chiếu.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm... xác định số nguyên vật liệu còn trong kho so với sổ sách, Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào kết quả kiểm kê, Giám đốc công ty cùng với ban lãnh đạo và Hội đồng kiểm kê sẽ đưa ra những quyết định hợp lý trong công tác nguyên vật liệu tại Công ty. Biên bản kiểm kê là cơ sở để kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ mới tiếp theo. Nhìn chung công tác kiểm kê kho ở công ty trong những năm trở lại đây không có trường hợp mất mát mà chỉ có vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan nhưng số lượng không đáng kể.

- Trường hợp kiểm kê phát hiện vật liệu thiếu

+ Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán.

+ Nếu giá trị nguyên vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (Hao hụt vật liệu trong định mức) ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 152 – Nguyên vật liệu

+ Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 – Nguyên vật liệu.

Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

Nợ TK 111, 138, 334, 632

Có TK 1381

- Trường hợp kiểm kê phát hiện nguyên vật liệu thừa

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Nếu xác định là của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu

Có TK 711 – Thu nhập khác

+ Nếu xác định phải là vật liệu thừa, trả người khác kế toán ghi đơn vào bên Nợ TK 002. Nếu quyết định mua số vật liệu đó, doanh nghiệp thông báo cho bên bán và ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác

Theo kết quả kiểm kê nguyên vật ngày 31/12/2015. Hội đồng kiểm kê nguyên vật liệu lập biên bản kiểm kê nguyên vật tư (biểu số 2.20)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20: Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu tại kho của công ty.

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ (Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015) Thời điểm kiểm kê: 9h ngày 31 tháng 12 năm 2015

Biên bản kiểm kê gồm:

Ông: Đoàn Thành Nam	Chức vụ: Phó Giám Đốc	Trưởng ban kiểm kê
Ông: Nguyễn Anh Tuấn	Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật	Ủy viên
Bà : Nguyễn Thanh Thảo	Chức vụ: Kế toán	Ủy viên
Bà : Trần Thị Liên	Chức vụ: Thủ kho	Ủy viên

STT	Tên vật tư	Mã Hàng	ĐVT	Theo kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Còn tốt 100%
				SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		
								SL	TT	SL	TT	
1	Bột đá	BD	tấn	42	52.683.750	42	52.683.750					x
...
5	Hạt màu	HM	tấn	350	16450000	350	16450000					x
...
11	Hạt Taican	HT	tấn	470	71402400	470	71402400					x
...
19	Da váng	DV	kg	1.289	122712800	1.289	122712800					x
..
25	Mực in	MI	kg	125	12.112.625	125	12.112.625					x
...
	Tổng cộng				1.761.523.113		1.761.523.113					

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

Kết luận: Đa số các nguyên vật liệu còn tốt, khớp số lượng, nội dung với sổ sách của kế toán

CHƯƠNG III: MỘT Ý SỐ KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM

3.1: Nhận xét chung về kế toán nguyên vật liệu

Kể từ ngày hoạt động và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đến nay, công ty đã trải qua không ít khó khăn và thách thức để tìm chỗ đứng cho mình trên thị trường. Đặc biệt trong điều kiện kinh tế thị trường như hiện nay, muốn tồn tại được thì phải cạnh tranh lẫn nhau. Tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã luôn đoàn kết, chủ động sáng tạo, khắc phục những khó khăn, cải tiến kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đưa công ty không ngừng trưởng thành và lớn mạnh.

Tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy việc tổ chức công tác kế toán nói chung, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của công ty.

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tài chính đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Với kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với việc liên hệ và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty cổ phần công nghiệp nhựa Phú Lâm có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1: Ưu điểm

Cùng với sự phát triển của Công ty, tập thể ban lãnh đạo cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho Công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty và đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

**Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính kế toán,

các nhân viên kế toán có trình độ, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Kế toán nguyên vật liệu ở công ty đã phản ánh chặt chẽ về tài sản cũng như nguồn cung ứng vốn của công ty, đồng thời cung cấp thông tin chính xác kịp thời cho Giám đốc, cho công tác quản lý, phân tích được các hoạt động kinh tế, thường xuyên giúp cho việc chỉ đạo nhập - xuất vật liệu một cách ổn định và nhanh chóng

**Về công tác quản lý nguyên vật liệu:*

+ Đối với công tác thu mua: Công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ về số lượng cũng như quy cách chất lượng của nguyên vật liệu, giao hàng đúng hẹn, kịp thời để công ty có thể sử dụng cho nhu cầu sản xuất sản phẩm được tiến hành liên tục

+ Đối với công tác dự trữ, bảo quản: Để phục vụ công tác bảo quản nguyên vật liệu thì công ty đã trang bị hệ thống kho tàng, bến bãi khoa học hợp lý, tổ chức nguyên vật liệu và điều kiện bảo quản phù hợp với đặc tính của từng loại nguyên vật liệu do vậy nguyên vật liệu luôn được bảo quản trong điều kiện tốt nhất, đảm bảo về số lượng và chất lượng trong quá trình sản xuất. Mặt khác công ty lại có đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thủ kho giàu kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm với công việc nên hiệu quả công tác bảo quản càng cao tạo điều kiện giảm bớt các chi phí cho Doanh nghiệp ít bị hư hỏng thiếu hụt. Đây là điều đáng khen và cần được phát huy với các doanh nghiệp.

+ Đối với khâu sử dụng: Thực tế việc sử dụng nguyên vật liệu tại công ty được quản lý rất chặt chẽ. Hàng năm công ty đều có kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu phòng sản xuất, phòng kế hoạch vật tư của công ty đã xây dựng định mức tiêu hao vật tư cho từng chủng loại sản phẩm. Ở phòng sản xuất công ty đều có đội ngũ cán bộ thống kê theo dõi sự biến động của vật tư và lập báo cáo sản xuất. Khâu xuất kho nguyên vật liệu được quản lý rất chặt chẽ đảm bảo nguyên vật liệu xuất dùng đúng mục đích, đúng đối tượng, nâng cao hiệu quả quản lý với khâu sử dụng.

**Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán*

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại Công ty đang áp dụng theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo nhanh chóng phản ánh tình hình biến động nguyên vật liệu tại Công ty.

** Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu*

Công ty sử dụng theo phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu. Vì vậy, công ty có điều kiện để quản lý tốt nguyên vật liệu và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty

Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại Công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song, phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu. Kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, việc quản lý nguyên vật liệu của Công ty đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho công ty.

3.1.2: Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu của công ty đã và đang đạt được. Công ty vẫn còn gặp phải một số hạn chế cần khắc phục như sau:

***Về việc thành lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu**

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty rất đa dạng và phong phú nhưng công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa theo chữ cái kí hiệu của chúng vì vậy thiếu thống nhất để có thể nhận biết được nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ. Do vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu chưa được tối ưu, khối lượng công việc

hiều. Đây là vấn đề Ban Lãnh Đạo cần quan tâm, xem xét để có hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học, hợp lý hơn tạo điều kiện cho công tác quản lý nguyên vật liệu

***Về việc luân chuyển chứng từ:**

Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

***Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Hàng năm, giá cả nguyên vật liệu biến động không ngừng vì vậy công ty có dấu hiệu giảm giá của hàng tồn kho. Như vậy, các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, hàng hóa tồn kho giảm giá sẽ không được bù đắp, không lường trước được những rủi ro trong kinh doanh. Vì vậy, công ty nên xem xét để có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng quy định

***Về phương pháp tính giá xuất kho:**

Do công ty đang áp dụng phương pháp tính giá là bình quân gia quyền nên giá trị nguyên vật liệu xuất kho được tính vào cuối kì. Điều này gây khó khăn trong việc cung cấp thông tin cho mỗi nghiệp vụ tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ

***Về việc ứng dụng phần mềm kế toán:**

Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán. Nhưng máy tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán gặp khó khăn, dễ dẫn đến sai sót.

3.2: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

3.2.1: Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm.

Trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay thì việc không ngừng hoàn thiện, khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những điểm mạnh là mục đích hàng đầu của Công ty. Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đạt được những mục đích sau:

- + Khắc phục được những hạn chế trong công tác kế toán nguyên vật liệu
- + Đáp ứng được những nhu cầu trong sản xuất, quản lý chung của Công ty.

+Nâng cao tốc độ phát triển của Công ty phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế.

3.2.2: Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu

3.2.2.1: Yêu cầu

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu cần đảm bảo những yêu cầu sau:

-Hoàn thiện từng bước, việc hoàn thiện không làm xáo trộn công tác quản lý và sản xuất của doanh nghiệp

-Đảm bảo cung cấp thông tin, tình hình biến động nguyên vật liệu một cách thường xuyên và liên tục, khách quan và kịp thời.

- Các kiến nghị đưa ra phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán hiện hành, phải thiết thực, hợp lý, không quá tốn kém, phù hợp với doanh nghiệp

3.2.2.2: Nguyên tắc

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán kế toán NVL nói riêng là một trong những vấn đề hết sức phức tạp, vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn trong quản lý nói chung và trong phòng kế toán nguyên vật liệu nói riêng. Để đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán NVL tại doanh nghiệp phải căn cứ vào những quy định của Nhà Nước và tuân thủ các nguyên tắc sau :

- Công việc nhằm hoàn thiện phải tập trung vào các khâu còn nhiều thiếu sót.

- Nguyên tắc khả thi: Nguyên tắc này đảm bảo doanh nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chuẩn mực và chính sách pháp luật của Nhà Nước.

- Nguyên tắc hiệu quả: Chi phí bỏ ra để thực hiện biện pháp hoàn thiện phải có hiệu quả tốt hơn trước khi bỏ ra chi phí đó.

3.2.3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm

Biện pháp 1: Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư

Hiện nay chủng loại NVL tại công ty rất đa dạng nên việc kiểm tra đối chiếu hạch toán, tính giá NVL gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để thuận lợi hơn trong việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại vật liệu một cách hệ thống và khoa học, theo em công ty nên xây dựng hệ thống sổ danh điểm nguyên vật liệu. Sổ danh

điểm vật liệu là sổ danh mục tập hợp tài liệu các loại NVL mà công ty đã và đang sử dụng. Trong sổ danh điểm vật liệu được theo dõi từng loại, từng nhóm quy cách nguyên vật liệu một cách chặt chẽ sẽ giúp cho công tác quản lý và hạch toán NVL ở công ty được thống

nhất. Sổ này thống nhất về tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, quy cách, đơn vị tính của từng nguyên vật liệu. Công ty có thể xây dựng bộ mã vật liệu mẫu sổ danh điểm vật tư như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư
Sổ danh điểm vật tư

Kí hiệu		Mã số danh điểm	Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư	Kí hiệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại					
1521			Nguyên vật liệu chính			
	1521-01		Bột			
		1521-01-01	Bột đá	BĐ	tấn	
		1521-01-02	Bột màu	BM	kg	
	1521-02		Hạt taican	HT	kg	
...	
1522			Nguyên vật liệu phụ			
	1522-01		Mực in	MI	kg	
	1522-02		Hạt tái chế	HTC	kg	
...	
1523			Nhiên liệu			
	1523-01		Dầu	D		
		1523-01-01	Dầu Diezen	DD	lít	
		1523-01-02	Dầu nhòn	DN	lít	
....		

Biện pháp 2: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Khi các bộ phận, phòng ban chuyển giao chứng từ cho nhau thường chậm trễ. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách kịp thời.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ từ phòng vật tư về phòng kế toán. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ phải ký trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận và có biện pháp xử lý giúp quản lý chặt chẽ chứng từ trong công ty và nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên trong công ty đối với công việc.

Biểu 3.2: Sổ giao nhận chứng từ

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng 12 năm 2015

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày tháng		Người giao	Người nhận
.....	

Biện pháp 3: Hoàn thiện công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Doanh nghiệp nên thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để kiểm soát được sự chênh lệch giá cả tránh được những tổn thất trong việc biến động giá cả

-Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu dùng cho sản xuất, sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

+ Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

- Phương pháp lập dự phòng: Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại TT200 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản”. Tài khoản 2294: “ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

- Khi lập Báo Cáo Tài Chính nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kì này lớn hơn số đã trích lập các kỳ trước, kế toán hoàn nhập bổ sung phần chênh lệch, ghi

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán

Có TK229: Dự phòng tổn thất tài sản (TK2294)

- Khi lập Báo Cáo Tài Chính nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kì này nhỏ hơn số đã trích lập các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi

Nợ TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản (TK2294)

Có TK TK632: Giá vốn hàng bán

-Kế toán xử lý khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư bị hư hỏng do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK229: Dự phòng tổn thất tài sản

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán

Có TK152: Nguyên vật liệu

Biện pháp 4: Về việc thay đổi phương pháp tính giá xuất kho nguyên vật liệu

Công ty có thể áp dụng phương pháp xuất kho là phương pháp bình quân liên hoàn để đảm bảo thông tin, dữ liệu luôn được cung cấp thường xuyên. Phương pháp này cho giá vật liệu xuất kho chính xác, phản ánh kịp thời sự biến động giá cả, công việc tính giá được tiến hành đều đặn

Ví dụ: Tính trị giá xuất kho của 185 kg mực in ngày 15/12/2015

Tồn đầu kì: Số lượng: 75 kg trị giá 7.273.500

Nhập ngày 8/12: Số lượng 340kg trị giá 33.320.000

Tồn sau ngày 8/12: số lượng: 415 kg, trị giá: 40.593.500

Đơn giá xuất kho ngày 15/12: $40.593.500 / 415 = 97.816$ (đ/kg)

Trị giá xuất kho ngày 15/12: $185 \times 97.816 = 18.095.960$ (đ)

Biện pháp 5: Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán

Hòa nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiên bộ trên thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy vì có nhiều ưu việt như:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát thông tin tài chính
- Xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có sẵn, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau

- Đảm bảo chất lượng công việc

Một số phần mềm kế toán đang được sử dụng nhiều trên thị trường để công ty có thể được lựa chọn như sau:

Phần mềm kế toán FAST

- Phần mềm kế toán Smart Soft

- Phần mềm kế toán Misa

- Phần mềm kế toán ACMAN

Qua tìm hiểu một số phần mềm kế toán chuyên dùng hay có thể sử dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, em thấy phần mềm kế toán MISA là thích hợp sử dụng cho công ty.

*Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập

- Điểm đặc biệt nữa ở Misa mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

*Nhược điểm:

- Vì có SQL nên Misa đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo



KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng công tác kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo sản xuất cũng như việc lập kế hoạch thu mua, sử dụng và chi tiêu nguyên vật liệu thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc hạ giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Khóa luận “**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm**” đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận khóa luận đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về nguyên vật liệu và công tác hạch toán nguyên vật liệu ở doanh nghiệp.

- Về thực tế đã phản ánh thực trạng công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu cũng như việc quản lý sử dụng nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm và đã chứng minh bằng số liệu tháng 12 năm 2015 cho các lập luận đã nêu ra.

- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm, khóa luận đưa ra một số nguyên nhân, phương hướng hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm.

Do thời gian thực tập không nhiều và kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em còn nhiều thiếu sót vì vậy em mong nhận được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn để em có thể hoàn thiện được bài khóa luận tốt hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, nhân viên trong phòng kế toán và các phòng ban khác của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Phú Lâm và thầy giáo hướng dẫn Nguyễn Văn Thụ đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2016